

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1	LÊ THỊ KHÁ AI	17/02/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
2	NGUYỄN THUY AN	18/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
3	HOÀNG THỊ DIỆU AN	06/09/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
4	TRẦN NGUYỄN AN	06/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
5	ĐOÀN VĂN AN	04/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
6	NGUYỄN TRỊNH HOÀI AN	10/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
7	PHẠM THUY AN	15/07/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
8	TRỊNH NGUYỄN HOÀI AN	12/11/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	200
9	TRẦN THỊ THANH AN	12/07/2004	Nữ	Đông phương học	D15	200
10	PHẠM NGUYỄN THÁI AN	25/02/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
11	LÊ AN	03/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
12	NGUYỄN HOÀNG AN	12/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
13	NGUYỄN THIÊN AN	27/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
14	LÊ DĨ AN	11/03/2004	Nam	Kỹ thuật xét nghiệm y học	A06	200
15	HUỲNH NGUYỄN HỒNG AN	20/07/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A09	200
16	NGUYỄN HOÀNG NGỌC AN	31/01/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
17	NGUYỄN HỒNG AN	01/09/2004	Nam	Quản trị khách sạn	A07	200
18	CAO THỊ NGỌC ANH	13/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
19	NGÔ TRẦN MAI ANH	17/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
20	NGUYỄN NGỌC ANH	05/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
21	TRƯƠNG HOÀNG NGỌC ANH	21/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
22	CHÂU NGỌC ANH	02/02/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D15	200
23	MAI BẢO ANH	15/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
24	TRẦN THỊ TRÂM ANH	27/11/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
25	PHẠM VŨ KIỀU ANH	26/05/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
26	LÊ HOÀNG ANH	01/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
27	NGÔ THỊ PHƯƠNG ANH	22/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
28	NGUYỄN NGỌC HIỀN ANH	30/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
29	PHẠM QUỲNH ANH	15/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
30	PHẠM VĂN ANH	17/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
31	VŨ THỊ VÂN ANH	23/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
32	NGÔ THỊ HỒNG ANH	19/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
33	PHẠM THUY ANH	06/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
34	TRẦN VŨ LAN ANH	07/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
35	VŨ TRẦN NGUYỆT ANH	12/11/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
36	ĐÀO TÔN NGỌC ANH	25/02/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
37	HỒ KIỀU ANH	21/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
38	LÊ THỊ KIM ANH	02/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
39	NGUYỄN TRẦN MAI ANH	01/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
40	HỒ THỊ LAN ANH	30/04/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
41	NGÔ ĐỖ KIỀU ANH	06/11/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
42	ĐOÀN LÊ PHƯƠNG ANH	22/02/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
43	MAI PHẠM LAN ANH	04/12/2003	Nữ	Kế toán	A00	200
44	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	17/09/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
45	MAI THỊ LAN ANH	27/08/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
46	NGUYỄN NGỌC TUYẾT ANH	17/01/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
47	NGUYỄN THỊ KIM ANH	01/02/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
48	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG ANH	25/11/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
49	TRẦN TUẤN ANH	16/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
50	BUI BẢO ANH	21/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
51	NGUYỄN DUY ANH	02/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
52	NGUYỄN HỒNG DIỄM ANH	19/12/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
53	NGUYỄN HOÀNG ANH	06/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
54	LƯƠNG QUỐC ANH	04/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
55	NGUYỄN VĂN ANH	23/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
56	ĐINH NGỌC ANH	27/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
57	TRẦN DUY ANH	21/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
58	TRẦN ĐỨC ANH	13/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
59	TRẦN LÊ TUẤN ANH	15/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
60	NGUYỄN NHẬT ANH	03/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
61	TRẦN TUẤN ANH	10/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
62	NGUYỄN HOÀNG TUẤN ANH	27/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
63	LÊ THỊ VÂN ANH	29/12/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
64	PHAN HUỲNH NGỌC ANH	18/12/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
65	VÕ THỊ NGỌC ANH	10/10/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
66	BÙI THỊ NGỌC ANH	16/10/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A06	200
67	NGUYỄN VIỆT ANH	27/11/2003	Nam	Công nghệ thực phẩm	B04	200
68	NGUYỄN HOÀNG GIA ANH	23/02/2004	Nam	Kỹ thuật xét nghiệm y học	A06	200
69	PHẠM NGUYỄN TUẤN ANH	21/10/2004	Nam	Kỹ thuật xét nghiệm y học	A06	200
70	LÊ HOÀNG ANH	30/04/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	200
71	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	30/03/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
72	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	16/11/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
73	PHÙNG NGỌC CHÂU ANH	22/09/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
74	LÊ TRẦN VĂN ANH	16/12/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
75	NGUYỄN THỊ KIỀU ANH	02/06/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
76	BÙI THỊ NGỌC ANH	27/03/2003	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
77	HOÀNG THỊ VÂN ANH	10/01/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	200
78	NGUYỄN MINH ANH	15/11/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A04	200
79	PHẠM ĐỨC ANH	20/09/2003	Nam	Đông phương học	C00	200
80	VŨ ĐỨC ANH	30/06/2004	Nam	Quản trị khách sạn	A07	200
81	TRẦN THỊ VÂN ANH	28/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
82	BÙI NGỌC ANH	24/03/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
83	NGUYỄN ĐẶNG BẢO ANH	02/08/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
84	LÊ ĐẶNG QUỲNH ANH	11/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
85	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	03/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D14	200
86	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	02/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
87	NGUYỄN NGỌC ÁNH	02/11/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
88	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	29/09/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
89	ĐINH THỊ NGỌC ÁNH	01/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D15	200
90	TRẦN NGỌC PHƯƠNG ÁNH	08/09/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
91	ĐOÀN THỊ HỒNG ÁNH	23/02/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
92	LÊ NGỌC ÁNH	27/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
93	BÙI NGỌC ÁNH	23/08/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
94	PHẠM THỊ MINH ÁNH	29/08/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
95	NGUYỄN MINH ÁNH	02/06/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A10	200
96	NGUYỄN NGUYỆT ÁNH	25/08/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
97	ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH	08/08/2003	Nữ	Đông phương học	C00	200
98	TẶNG THỊ PHƯƠNG BÁC	10/07/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
99	ĐẶNG CƯỜNG BÁC	01/04/2002	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
100	NGUYỄN TRƯỜNG BÁCH	27/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A01	200
101	HỒ QUẾ BÁCH	12/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
102	VŨ LÂM GIA BẢO	11/01/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D14	200
103	NGUYỄN LÊ ANH BẢO	28/09/2004	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
104	VŨ MAI DUY BẢO	04/10/2004	Nam	Đông phương học	D01	200
105	ĐẶNG QUỐC BẢO	08/03/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
106	NGUYỄN THIÊN BẢO	25/07/2004	Nam	Kế toán	A09	200
107	LÂM QUỐC BẢO	13/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
108	NGUYỄN CHỈ BẢO	02/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
109	TRẦN NGUYỄN TIỀN BẢO	15/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
110	NGUYỄN KIM BẢO	27/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
111	NGUYỄN CHI BẢO	02/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
112	PHẠM ĐÌNH BẢO	24/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
113	PHẠM HUỖNH QUỐC BẢO	24/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
114	ĐÌNH HOÀNG GIA BẢO	06/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
115	VÕ MINH BẢO	26/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
116	TRẦN NGỌC BẢO	08/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
117	TĂNG GIA BẢO	09/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
118	NGUYỄN NGỌC BẢO	17/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
119	TRẦN HUỖNH GIA BẢO	12/07/2004	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C20	200
120	NGUYỄN THỂ BẢO	20/08/2003	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
121	NGUYỄN THÁI BẢO	05/07/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
122	HUỖNH ĐÌNH BẢO	05/09/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D15	200
123	NGUYỄN VĂN BI	29/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
124	TRẦN NGỌC BÍCH	17/02/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
125	MAI VĂN BIÊN	22/12/2004	Nam	Kế toán	A00	200
126	NGUYỄN TRUNG BIÊN	01/01/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
127	LÊ TÚ BÌNH	24/01/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
128	NGUYỄN THỊ NGỌC BÌNH	24/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
129	NGUYỄN ĐỨC THÁI BÌNH	05/08/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
130	PHẠM QUỐC BÌNH	19/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
131	NGUYỄN XUÂN BÌNH	19/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
132	PHẠM THANH BÌNH	13/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
133	TRẦN HOÀNG BÌNH	08/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
134	TRẦN THANH BÌNH	04/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
135	PHẠM ĐỨC BÌNH	03/10/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A04	200
136	LÊ THANH BÌNH	12/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
137	NGUYỄN QUỐC BÌNH	13/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
138	MAI THANH BÌNH	14/02/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
139	NGUYỄN THÁI BÌNH	01/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
140	NGUYỄN CHÂU BÌNH	18/11/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
141	TRẦN THANH BÌNH	30/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
142	LÊ THỊ ÁI BÔNG	14/07/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B04	200
143	NGUYỄN THÀNH BỬU	07/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
144	LƯU CHÍ CAO	11/03/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
145	LÊ THỊ PHƯƠNG CHÂM	09/07/2003	Nữ	Kế toán	A00	200
146	NGUYỄN BẢO CHÂU	13/09/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
147	TRƯƠNG NGỌC CHI	10/12/2003	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
148	VÕ THỊ BÍCH CHI	08/11/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
149	TRỊNH KIM CHI	03/06/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
150	MAI QUẾ CHI	23/12/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
151	TRƯƠNG THỊ MỸ CHI	18/08/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
152	NGUYỄN THỊ KIM CHI	06/08/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A10	200
153	LÊ QUANG CHIẾN	21/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
154	NGUYỄN MINH CHIẾN	03/11/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
155	HỒ HỮU CHIẾN	13/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
156	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	09/07/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
157	NGUYỄN THÀNH CHÍNH	07/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
158	NGUYỄN THANH CHÚC	01/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
159	TRƯƠNG VĂN CHUNG	24/11/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
160	CHU THỊ KIM CHUÔNG	21/12/2004	Nữ	Điều dưỡng	B00	200
161	PHẠM NGỌC CHUÔNG	10/08/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
162	NGUYỄN VĂN CƠ	12/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
163	TRẦN QUỐC CÔNG	06/09/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
164	NGUYỄN HỮU CÔNG	11/10/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
165	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	04/09/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
166	PHẠM MINH CƯỜNG	16/10/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
167	VÒNG XUÂN CƯỜNG	24/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
168	VŨ MẠNH CƯỜNG	08/01/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A01	200
169	PHẠM ĐỨC CƯỜNG	16/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
170	THẦN HÙNG CƯỜNG	07/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
171	VŨ ĐỨC MẠNH CƯỜNG	09/11/2003	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A07	200
172	ĐẶNG QUỐC CƯỜNG	25/01/2004	Nam	Quản trị khách sạn	C00	200
173	NGUYỄN CHỈ CƯỜNG	19/01/2002	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
174	NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	10/05/1999	Nam	Kế toán	A00	200
175	PHẠM HÙNG CƯỜNG	18/10/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
176	NGUYỄN CAO MINH ĐẠI	09/11/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
177	TRẦN BÁ ĐẠI	24/12/2004	Nam	Quản trị khách sạn	C00	200
178	TÔ THỊ MỸ DÂN	30/11/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B04	200
179	NGUYỄN NGUYỆT ĐAN	06/08/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
180	LÂM VĂN DẠNG	18/03/2004	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
181	NGUYỄN THỊ HIẾU ĐANG	29/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
182	DƯƠNG ĐÌNH ĐĂNG	09/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
183	TỔNG VĂN ĐĂNG	17/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
184	NGUYỄN LÊ THÀNH DANH	18/03/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
185	VÕ THÀNH DANH	23/09/2003	Nam	Kế toán	A07	200
186	VÕ QUANG DANH	06/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
187	NGUYỄN CÔNG DANH	26/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
188	TRẦN CÔNG DANH	06/05/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
189	ĐẶNG XUÂN DANH	27/11/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
190	TRẦN DƯƠNG ĐATHY	05/06/2003	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
191	NGUYỄN NGỌC TRÚC ĐÀO	11/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
192	PHẠM THÀNH ĐẠT	16/01/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
193	PHẠM TẤN ĐẠT	31/12/2004	Nam	Đông phương học	D01	200
194	PHẠM KHẢ ĐẠT	22/12/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
195	HUỲNH TIẾN ĐẠT	06/09/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
196	VÕ ANH ĐẠT	26/07/2004	Nam	Kế toán	A00	200
197	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	27/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
198	NGUYỄN TẤN ĐẠT	08/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
199	NGUYỄN VIỆT ĐẠT	20/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
200	NGUYỄN MINH ĐẠT	30/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
201	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	24/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
202	LƯƠNG DƯƠNG THÀNH ĐẠT	09/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
203	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	15/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
204	THẦN THÀNH ĐẠT	27/01/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
205	BUI TUẤN ĐẠT	05/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
206	ĐINH TIẾN ĐẠT	20/02/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
207	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	23/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
208	PHAN ĐỨC ĐẠT	10/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
209	PHẠM TIẾN ĐẠT	05/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
210	TRINH QUỐC ĐẠT	26/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
211	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	26/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
212	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	27/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
213	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	06/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
214	VÕ TIẾN ĐẠT	05/03/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
215	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	25/07/2001	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
216	THÁI THÀNH ĐẠT	27/07/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
217	VÕ THỊ THANH DIỄM	14/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
218	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC DIỄM	06/06/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
219	TRẦN THỊ THUYẾT DIỄM	25/07/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B04	200
220	VŨ THỊ NGỌC DIỄM	01/03/2003	Nữ	Đông phương học	C00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
221	HỒ THỊ HỒNG DIỄM	01/01/2003	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
222	TRẦN ĐÌNH DIỆN	24/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
223	TRẦN TRÚC DIỆP	27/05/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
224	NGUYỄN HOÀNG DIỆP	01/11/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
225	ĐÌNH NGỌC TIỂU DIỆP	14/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
226	NGUYỄN THẾ DINH	30/11/2003	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C20	200
227	PHAN LÝ ĐÌNH	25/06/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
228	TRẦN THỊ THU DIJU	14/10/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
229	NGUYỄN TRẦN THỰC ĐOAN	15/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
230	HUỲNH NGUYỄN THỰC ĐOAN	04/05/2004	Nữ	Đông phương học	D15	200
231	HOÀNG ĐÌNH DOANH	10/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
232	TẠ PHƯƠNG DOANH	20/11/2003	Nữ	Điều dưỡng	A06	200
233	NGUYỄN HOÀNG MINH DOANH	06/08/2004	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
234	CÁI THỊ DOANH	01/07/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
235	TRƯƠNG ĐOÀN QUÝ ĐÓN	26/06/2002	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
236	NGUYỄN HOÀNG ĐỒNG	25/07/1999	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
237	TRẦN THANH ĐỒNG	30/07/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
238	QUÁCH KHOA ĐỨC	27/02/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
239	LÊ HUỲNH ĐỨC	14/03/2004	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
240	ĐUỐNG THỊ THANH ĐỨC	09/12/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
241	HUỲNH TẤN ĐỨC	05/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
242	NGUYỄN HOÀNG MINH ĐỨC	28/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
243	NGUYỄN MINH ĐỨC	25/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
244	NGUYỄN QUÝ ĐỨC	29/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
245	ĐOÀN MINH ĐỨC	10/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
246	LÊ CÔNG HUỲNH ĐỨC	20/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
247	NGUYỄN HUY ĐỨC	06/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
248	DƯƠNG MINH ĐỨC	13/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A01	200
249	TRẦN HOÀNG ĐỨC	16/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
250	LÊ MINH ĐỨC	20/01/2003	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
251	NGUYỄN VĂN ĐỨC	26/03/1999	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
252	PHAN HỮU ĐỨC	05/09/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
253	NGUYỄN ĐĂNG THUY DUNG	16/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
254	CAO HOÀNG DUNG	02/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
255	CAO THỊ NGỌC DUNG	27/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
256	NGUYỄN THUY DUNG	08/03/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
257	TRƯƠNG NGỌC DUNG	24/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
258	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	12/10/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
259	ĐẶNG KIM DUNG	18/06/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
260	PHẠM NGỌC MỸ DUNG	06/07/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
261	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	09/03/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
262	NGUYỄN TIẾN DỪNG	07/07/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
263	TRẦN VĂN DỪNG	13/01/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
264	TRỊNH QUANG DỪNG	07/04/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
265	TRẦN MẠNH DỪNG	01/11/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
266	TRẦN NGUYỄN ĐỨC DỪNG	04/01/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
267	DƯƠNG HỮU DỪNG	18/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
268	HOÀNG XUÂN DỪNG	15/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
269	LÊ TIẾN DỪNG	06/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
270	VŨ TRẦN TIẾN DỪNG	04/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
271	TRẦN HOÀNG DỪNG	20/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
272	HOÀNG ANH DỪNG	12/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
273	NGUYỄN VĂN DỪNG	02/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
274	HỒ VIỆT DỪNG	18/08/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
275	NGUYỄN VĂN DỪNG	29/03/2004	Nam	Quản trị khách sạn	C00	200
276	MAI TIẾN DỪNG	22/04/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
277	NGUYỄN ANH DŨNG	09/08/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
278	THÔNG CẨM DŨNG	21/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
279	LÊ THỊ THỦY DƯƠNG	17/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
280	VŨ THỦY DƯƠNG	28/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
281	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	15/09/2003	Nam	Đông phương học	A07	200
282	NGUYỄN NGỌC THỦY DƯƠNG	11/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
283	NGUYỄN NHÂM KHÁNH DƯƠNG	19/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
284	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	16/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
285	NGUYỄN LÊ ĐẠI DƯƠNG	03/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
286	VŨ TÙNG DƯƠNG	17/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
287	TRẦN ĐÌNH KIẾN DƯƠNG	22/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
288	NGUYỄN CAO ÁNH DƯƠNG	30/11/2003	Nữ	Công nghệ thông tin	A04	200
289	TRẦN HOÀNG DƯƠNG	25/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
290	TIẾT QUÝ DƯƠNG	20/11/2002	Nam	Đông phương học	C00	200
291	TRẦN KHANG DUY	27/05/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
292	LÊ DUY	13/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
293	LÊ THÀNH DUY	24/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
294	PHẠM KHÁNH DUY	20/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
295	LÊ KHÁNH DUY	10/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
296	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH DUY	22/09/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
297	TRẦN QUỐC DUY	07/12/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
298	TRẦN KHÁNH DUY	31/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
299	ĐỖ KHÁNH DUY	17/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
300	NGUYỄN KHÁNH DUY	04/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
301	NGUYỄN KHÁNH DUY	29/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
302	TRƯƠNG ANH DUY	20/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
303	DANH THỊ NGỌC DUY	15/05/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	200
304	LƯU XUÂN DUY	26/08/2004	Nam	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	200
305	PHÙNG KHÁNH DUY	29/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
306	TẠ TIẾN DUY	08/05/2002	Nam	Công nghệ thực phẩm	B04	200
307	TRƯƠNG NGỌC DUYỀN	14/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
308	LÊ THỊ MỸ DUYỀN	30/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
309	NGUYỄN THỊ DUYỀN	15/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
310	LÊ THỊ THỦY DUYỀN	14/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
311	ĐỒNG NGỌC DUYỀN	27/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
312	LA NGỌC MỸ DUYỀN	09/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
313	LÊ THỊ DUYỀN	23/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
314	ĐẶNG THỊ MỸ DUYỀN	01/08/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
315	LÊ THỊ MỸ DUYỀN	05/11/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
316	LÊ THỊ XUÂN DUYỀN	18/04/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
317	NGÔ MỸ DUYỀN	02/11/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
318	PHẠM THỊ THU DUYỀN	07/11/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B04	200
319	NGUYỄN VŨ HỒNG DUYỀN	17/02/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
320	PHAN THỊ DUYỀN	25/06/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
321	TRẦN KỶ DUYỀN	28/06/2002	Nữ	Quản trị khách sạn	A07	200
322	LÊ NGUYỄN HỒNG DUYỀN	17/12/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
323	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	10/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
324	THÁI THỊ HỒNG GẮM	10/12/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
325	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM	19/07/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
326	MAI ĐÌNH HƯỜNG GIANG	28/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
327	NGUYỄN NGỌC TRÀ GIANG	02/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
328	PHẠM TRƯỜNG GIANG	29/04/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
329	ĐÀO THỊ GIANG	27/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
330	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	25/05/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	200
331	LÊ HOÀNG GIANG	02/05/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B04	200
332	HOÀNG TRƯỜNG GIANG	11/10/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
333	DƯƠNG THỊ QUỲNH GIANG	29/02/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
334	NGUYỄN QUỲNH GIAO	25/01/2003	Nữ	Điều dưỡng	B04	200
335	VÕ VĂN GIÁP	31/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
336	HÀ HUY GIÁP	01/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
337	NGUYỄN THỊ BẢO HÀ	19/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
338	NGUYỄN THỊ THÚY HÀ	23/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
339	TRẦN THỊ THU HÀ	01/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
340	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	11/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
341	LÊ BÍCH HÀ	14/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
342	HOÀNG HAI HÀ	12/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
343	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	02/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
344	NGUYỄN THỊ KIM HÀ	14/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
345	NGUYỄN THỊ THU HÀ	19/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
346	TRẦN NGUYỄN THU HÀ	15/08/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
347	PHẠM BẢO HÀ	08/01/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
348	PHẠM VIỆT HÀ	08/01/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
349	NGUYỄN HOÀNG NGỌC HÀ	27/12/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	200
350	LÊ THỊ THU HÀ	06/05/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
351	TRẦN THỊ THÚY HÀ	10/10/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
352	HỒ MỸ HÀ	10/12/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
353	ĐÌNH HOÀNG HẢI	20/08/2004	Nam	Đông phương học	A07	200
354	ĐÌNH THẾ HẢI	28/09/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
355	PHẠM HỒNG HẢI	15/01/2004	Nam	Kế toán	A07	200
356	VÕ NGUYỄN HẢI	30/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
357	NGUYỄN NGUYỄN HẢI	30/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
358	TRẦN MINH HẢI	04/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
359	HOÀNG CÔNG HẢI	05/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
360	LƯƠNG THÚY HẢI	06/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
361	TRẦN NGUYỄN GIA HÂN	01/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
362	NGUYỄN TRẦN BẢO HÂN	30/09/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
363	LÊ HOÀI BẢO HÂN	07/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
364	LÊ KIM HÂN	07/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
365	NGÔ GIA HÂN	15/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
366	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	04/12/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
367	NGUYỄN GIA HÂN	11/12/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
368	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	17/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
369	NGUYỄN LÂM NGỌC HÂN	11/05/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
370	VŨ KIM HÂN	20/04/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
371	PHẠM GIA HÂN	04/02/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
372	NGUYỄN NGỌC HÂN	29/02/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
373	PHAN HỒ MỸ HÂN	20/08/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
374	PHẠM GIA HÂN	30/10/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
375	NGUYỄN LẬU GIA HÂN	24/06/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
376	LƯƠNG KIM HÂN	29/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
377	ĐÌNH VÕ KHÁNH HẰNG	25/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
378	NGUYỄN ĐẶNG MỸ HẰNG	29/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
379	TRẦN THỊ THANH HẰNG	28/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
380	ĐÀO NGỌC THANH HẰNG	30/04/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
381	PHẠM THỊ THÚY HẰNG	19/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
382	LÊ THỊ HẰNG	23/07/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
383	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	30/03/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
384	NGUYỄN THỊ HẰNG	30/10/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
385	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	28/12/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
386	TẶNG THỊ MỸ HẠNH	18/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
387	NGÔ THỊ HOÀI HẠNH	21/08/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
388	BUI MỸ HẠNH	03/06/2003	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
389	HUỖNH NHỰT HÀO	03/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
390	NGUYỄN ANH HÀO	11/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
391	NGUYỄN ĐỨC HÀO	30/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
392	NGUYỄN HỮU HÀO	21/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
393	PHAN PHONG HÀO	07/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
394	HOÀNG NGUYỄN PHONG HÀO	05/04/1998	Nam	Quản trị khách sạn	C20	200
395	TRẦN NGUYỄN KIM HÀO	19/04/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
396	TUỖ THI NGỌC HÀO	13/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
397	ĐƯƠNG THỊ XUÂN HÀO	07/03/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
398	NGUYỄN VĂN HÀO	19/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
399	ĐỖ LÊ TRUNG HẬU	26/01/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
400	TRẦN CAO HẬU	20/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
401	ĐẶNG QUANG HẬU	14/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
402	LÊ PHÚC HẬU	10/04/2002	Nữ	Điều dưỡng	A06	200
403	BUI CÔNG HẬU	01/03/2003	Nam	Quản trị khách sạn	A07	200
404	LÊ TRUNG HẬU	02/05/2002	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
405	NGUYỄN THỊ NGỌC HẬU	29/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
406	TRẦN THỊ MAI HIỀN	22/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
407	NGUYỄN MINH HIỀN	04/09/2004	Nam	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	200
408	BUI NGÔ THÚY HIỀN	11/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
409	LÊ THU HIỀN	09/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
410	NGUYỄN THỊ DIU HIỀN	06/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
411	BUI THU HIỀN	23/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
412	LƯU THỊ DIỆU HIỀN	10/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
413	TRẦN THỊ THU HIỀN	19/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
414	PHẠM THỊ HIỀN	23/08/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
415	VÕ THÁI THANH HIỀN	27/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
416	ĐÀO NGỌC THU HIỀN	03/08/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
417	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỀN	14/02/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
418	TRẦN THỊ HIỀN	23/11/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A10	200
419	PHẠM THỊ HIỀN	02/10/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
420	LÝ MINH HIỀN	06/01/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	B04	200
421	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	09/05/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
422	LÊ THỊ THẢO HIỀN	02/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
423	TRẦN THẾ HIỀN	04/09/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
424	TRẦN VŨ HIỆP	15/01/2004	Nam	Đông phương học	A07	200
425	NGUYỄN HỮU HIỆP	06/07/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
426	NGUYỄN XUÂN HIỆP	01/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
427	ĐƯƠNG MINH HIẾU	10/09/2004	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	D15	200
428	PHAN TRẦN TRUNG HIẾU	30/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
429	NGUYỄN MAI MINH HIẾU	20/11/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
430	NGUYỄN MẠNH HIẾU	10/01/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A10	200
431	LÊ VĂN HIẾU	27/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
432	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	14/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
433	VÕ MINH HIẾU	18/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
434	VÕ TRINH TRUNG HIẾU	14/09/2004	Nam	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B04	200
435	NGUYỄN VĂN HIẾU	13/03/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
436	NGUYỄN VĂN HIẾU	11/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
437	ĐẶNG NGUYỄN MINH HIẾU	13/07/2003	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
438	NGUYỄN VĂN HIẾU	22/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
439	NGUYỄN HOÀNG HỒ	16/05/2004	Nam	Kế toán	A00	200
440	PHAN LÊ QUỲNH HOA	27/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
441	LÊ KIM HOA	21/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
442	NGUYỄN THỊ HOA	12/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
443	NGUYỄN QUỲNH HOA	08/02/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
444	TỔ XUÂN HOA	17/07/2004	Nữ	Kế toán	A00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
445	HỒ THỊ KIM HOA	20/11/2001	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
446	NGUYỄN THỊ CÚC HOA	01/03/2000	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	200
447	TRẦN KHÁNH HOÀ	13/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
448	ĐÀO THỊ HÒA	05/12/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
449	TRƯƠNG QUỐC HÒA	28/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
450	BUI VIỆT HÒA	27/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
451	PHẠM XUÂN HÒA	07/01/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
452	NGUYỄN THỊ HOÀI	26/06/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
453	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	28/07/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
454	NGUYỄN THỊ HOÀI	03/09/2003	Nữ	Kế toán	A09	200
455	LÊ CÔNG HUY HOÀNG	15/02/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
456	TRẦN VĂN HOÀNG	19/08/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
457	PHẠM XUÂN HOÀNG	10/04/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
458	NGUYỄN CÔNG HOÀNG	18/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
459	NGUYỄN HUY HOÀNG	04/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
460	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	24/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
461	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	04/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
462	MAI PHẠM ĐỨC HOÀNG	18/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
463	LÊ KIM HOÀNG	22/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
464	NGUYỄN HUY HOÀNG	25/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
465	VŨ ĐỨC HOÀNG	07/12/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
466	LÊ HOÀNG	22/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
467	NGUYỄN MINH HOÀNG	02/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
468	NGUYỄN THÁI HOÀNG	04/09/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
469	MAI PHẠM MINH HOÀNG	18/04/2004	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
470	TRỊNH MINH HOÀNG	16/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
471	NGUYỄN THÁI HỌC	17/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
472	LÊ THỊ KIM HỒNG	10/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
473	CAO HOÀNG KIM HỒNG	01/02/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
474	PHAN THỊ THÚY HỒNG	12/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
475	BUI THỊ HỒNG	27/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
476	NGUYỄN THANH HỒNG	02/11/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	200
477	NGUYỄN PHI HỒNG	17/02/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A04	200
478	VŨ THU HUỆ	19/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
479	PHAN THỊ KIM HUỆ	18/05/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
480	LÊ HOÀNG HUỆ	14/10/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
481	TRƯƠNG THỊ LINH HUỆ	26/09/2003	Nữ	Kế toán	A09	200
482	NGÔ QUỐC HÙNG	05/10/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D15	200
483	NGUYỄN QUỐC HÙNG	08/05/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
484	PHẠM QUỐC HÙNG	02/04/2002	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
485	PHAN NHƯ HÙNG	10/09/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
486	ĐẶNG VIỆT HÙNG	16/12/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
487	LƯU NGUYỄN MẠNH HÙNG	11/06/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
488	NGUYỄN MẠNH HÙNG	14/09/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
489	NGUYỄN MINH HÙNG	25/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
490	TRẦN VĂN HÙNG	09/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
491	NGUYỄN PHI HÙNG	26/05/2002	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
492	NGUYỄN VIỆT HÙNG	24/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
493	LÊ HUY HÙNG	11/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
494	NGUYỄN MẠNH HÙNG	22/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
495	NGUYỄN NGỌC HÙNG	06/06/2000	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
496	VŨ ĐẠI HÙNG	08/02/2004	Nam	Kế toán	A09	200
497	ĐÀM TUẤN HÙNG	15/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
498	NGUYỄN HOÀNG HẢI HÙNG	01/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
499	TRẦN VĂN HÙNG	02/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
500	NGÔ QUANG HÙNG	08/10/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
501	ĐỖ HOÀNG KHÁNH HÙNG	28/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
502	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	13/06/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
503	LÊ VIỆT HÙNG	16/12/2002	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
504	NGÔ TRẦN ĐỨC HÙNG	16/06/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
505	NGUYỄN XUÂN HƯƠNG	28/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
506	TRẦN THỊ VÂN HƯƠNG	11/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
507	NGUYỄN TRANG SONG HƯƠNG	08/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
508	NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	10/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
509	PHẠM THỊ XUÂN HƯƠNG	12/05/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
510	NGÔ QUỲNH HƯƠNG	25/01/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
511	LÊ THỊ THU HƯƠNG	26/02/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
512	NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG	05/02/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
513	NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG	24/01/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
514	TỔNG THỊ MỸ HƯƠNG	01/01/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A06	200
515	LÊ THỊ HƯƠNG	30/04/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B04	200
516	LÊ PHẠM THU HƯƠNG	14/08/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
517	HUỲNH THỊ MAI HƯƠNG	13/10/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
518	TRẦN MAI HƯƠNG	10/07/2004	Nam	Kế toán	A09	200
519	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	01/03/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
520	HOÀNG KIM HƯƠNG	08/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
521	HỒ SỸ HƯƠNG	25/05/2003	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
522	BÙI TRỌNG HỮU	04/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
523	LÂM ĐÌNH HUY	27/10/2003	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
524	NGÔ QUANG HUY	05/09/2004	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
525	VÒNG TÔN HUY	08/01/2004	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
526	ĐỖ ANH HUY	09/10/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
527	LÊ THẮNG HUY	22/07/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
528	PHAN QUỐC HUY	12/02/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
529	TRẦN THANH HUY	11/11/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
530	ĐỖ ANH HUY	08/07/2004	Nam	Kế toán	A07	200
531	HOÀNG ANH HUY	03/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
532	HOÀNG GIA HUY	24/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
533	LÊ NGUYỄN GIA HUY	11/12/2002	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
534	PHẠM NGUYỄN QUỐC HUY	25/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
535	NGUYỄN PHẠM QUỐC HUY	10/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
536	VÕ NGUYỄN QUANG HUY	12/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
537	NGUYỄN GIA HUY	20/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
538	PHẠM NGỌC QUANG HUY	14/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
539	HOÀNG QUỐC HUY	15/12/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
540	TRẦN VĂN HUY	06/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
541	VŨ VĂN HUY	02/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
542	NGUYỄN GIA HUY	21/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
543	TRẦN VĂN HUY	10/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
544	BÙI NGUYỄN GIA HUY	14/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
545	LÊ QUỐC HUY	03/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
546	PHÙNG GIA HUY	11/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
547	NGUYỄN NGỌC QUANG HUY	10/05/2000	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
548	TRẦN QUỐC HUY	06/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
549	ĐÌNH QUANG HUY	09/09/2004	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
550	NGUYỄN PHÚC HUY	03/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
551	NGUYỄN TRƯỜNG HUY	23/11/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
552	HUỲNH ĐẶNG MỸ HUYỀN	30/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D15	200
553	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	19/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
554	VÕ THỊ MỸ HUYỀN	13/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
555	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	19/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
556	LÂM NGỌC HUYỀN	15/07/2004	Nữ	Kế toán	A00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
557	NGUYỄN THỊ HUYỀN	13/02/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
558	TRẦN THỊ THU HUYỀN	26/09/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
559	NGUYỄN THỊ HUYỀN	05/12/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
560	PHẠM THỊ NHUNG HUYỀN	15/04/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
561	KIỀU NGỌC HUYỀN	22/10/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B04	200
562	NGUYỄN LÊ THANH HUYỀN	08/08/2004	Nữ	Điều dưỡng	B04	200
563	BÙI THỊ HUYỀN	29/06/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
564	ĐỖ TRINH NGỌC HUYỀN	18/11/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
565	ĐẶNG NHẬT KHA	31/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
566	NGUYỄN BẢO KHA	27/08/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
567	CAO MINH KHẢ	13/04/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
568	PHẠM GIA KHẢI	05/03/2002	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
569	PHẠM QUANG KHẢI	13/09/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
570	TẠ HỮU KHẢI	29/03/2001	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
571	TRẦN PHÚC KHANG	13/11/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
572	TRẦN ĐÌNH KHANG	27/08/2004	Nam	Đông phương học	C00	200
573	MAI VĨ KHANG	08/01/2004	Nam	Kế toán	A07	200
574	DƯƠNG CHÍ KHANG	12/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
575	TRỊNH HUỲNH THỪA KHANG	04/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
576	NGUYỄN TRƯỜNG KHANG	01/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
577	NGUYỄN ANH KHANG	02/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
578	ĐÌNH MINH KHANG	01/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
579	THÌN TUỆ KHANG	01/07/2003	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
580	NGUYỄN THÀNH KHANG	07/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
581	LƯƠNG VĨ KHANG	06/06/2001	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
582	VY NGUYỄN MINH KHANG	28/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
583	NGUYỄN TRƯỜNG HOÀNG KHANG	12/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
584	HUỲNH BÀ VĂN KHANH	29/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
585	TRẦN NGỌC PHƯƠNG KHANH	18/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
586	NGUYỄN PHẠM KIỀU KHANH	05/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
587	NGUYỄN PHÙNG KIM KHÁNH	21/02/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
588	HOÀNG DUNG KHÁNH	20/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
589	PHẠM DUY KHÁNH	29/12/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A01	200
590	CAO DUY KHÁNH	10/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
591	NGUYỄN DUY KHÁNH	07/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
592	PHẠM NAM KHÁNH	27/06/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
593	NGUYỄN PHƯỚC KHÁNH	13/04/2001	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
594	ĐÌNH DUY KHÁNH	12/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
595	TRẦN THỊ KHÉO	17/02/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
596	VÒNG LỤC CẢ KHÌ	28/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
597	NGUYỄN SỸ KHIÊM	13/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
598	PHẠM ĐÌNH KHIÊM	01/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
599	ĐOÀN VĂN KHIÊM	05/01/2004	Nam	Quản trị khách sạn	C20	200
600	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	08/03/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
601	PHẠM HỒ ĐĂNG KHOA	01/01/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
602	LÊ NGỌC ANH KHOA	05/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
603	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	26/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
604	NGUYỄN HOÀNG XUÂN KHOA	19/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
605	TRẦN ĐĂNG KHOA	09/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
606	TRẦN NGUYỄN KHOA	12/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
607	LÝ THIÊN KHOA	21/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
608	NGUYỄN TUẤN KHOA	01/05/2001	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A01	200
609	TRẦN ĐĂNG KHOA	10/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
610	BÙI TRƯỜNG ANH KHOA	24/06/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
611	LÊ HOÀNG ĐĂNG KHOA	24/07/2004	Nam	Quản trị khách sạn	C20	200
612	VÕ ĐÌNH ĐĂNG KHOA	07/02/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
613	NGUYỄN HOÀNG ANH KHÔI	11/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
614	NGUYỄN MINH KHÔI	12/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
615	NGUYỄN THỊ HỒNG KHUYẾN	03/08/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
616	HỒ THỊ ANH KHUYẾN	29/04/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
617	HOÀNG TRUNG KIÊN	07/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
618	LÂM GIA KIẾT	23/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
619	NGUYỄN VŨ TUẤN KIẾT	10/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
620	TRẦN VŨ ANH KIẾT	20/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
621	MAI TUẤN KIẾT	27/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
622	LÂM TUẤN KIẾT	11/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
623	TRẦN THỊ THỦY KIỀU	20/02/2003	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
624	HUỲNH THỊ DIỄM KIỀU	25/12/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
625	NGUYỄN THỊ THIÊN KIM	10/02/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
626	LÊ TRƯỞNG KÝ	04/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
627	TRẦN GIA KỶ	12/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
628	HOÀNG QUỐC KỶ	10/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
629	VÕ VĨNH KỶ	30/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
630	LÊ TRẦN THANH LAM	11/11/2000	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
631	NGUYỄN THỊ HỒNG LAM	17/10/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
632	HOÀNG LÂM	21/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
633	NGUYỄN CHỈ LÂM	28/01/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A10	200
634	TRẦN HOÀNG LÂM	09/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
635	PHÙNG THỊ LAN	03/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
636	ĐỖ THỊ NGỌC LAN	14/03/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
637	TRẦN BẠCH HOA LAN	18/09/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
638	LÝ KIM LAN	18/11/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
639	TRỊNH THỊ NGỌC LAN	25/05/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
640	NGUYỄN NGỌC LAN	29/06/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C20	200
641	NGUYỄN MAI NGỌC LAN	10/10/2003	Nữ	Đông phương học	A07	200
642	TRƯƠNG TẤN HOÀNG LÂN	18/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
643	PHÙNG XUÂN LÂN	10/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
644	HỒ THỊ MỸ LỆ	31/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
645	ĐÀ THỊ KIM LỆ	22/02/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
646	ĐỖ NGUYỆT THANH LỊCH	05/10/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
647	NGUYỄN THANH LIÊM	15/03/2004	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
648	NGUYỄN QUANG LIÊM	29/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
649	NGUYỄN PHAN PHƯỢNG LIÊN	23/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
650	BÙI LÊ KIM LIÊN	16/04/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
651	TRẦN MINH LIÊN	31/10/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
652	HÀ THỊ TRÚC LIỄU	02/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
653	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	19/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
654	ĐỖ THỊ THUY LINH	06/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
655	TRẦN PHÙNG KHÁNH LINH	07/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
656	HUỲNH GIA LINH	26/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
657	NGUYỄN HOÀNG TRÚC LINH	26/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
658	TRẦN THUY LINH	06/09/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
659	NGUYỄN THỊ THUY LINH	01/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
660	PHAN NHẬT LINH	20/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D15	200
661	HUỲNH THỊ MỸ LINH	17/11/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
662	CHÂU NGỌC LINH	10/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
663	PHÙNG NGUYỄN KHÁNH LINH	30/12/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
664	TÔNG KHÁNH LINH	22/08/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
665	TRẦN NGỌC KHÁNH LINH	24/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
666	ĐOÀN NGỌC ÁNH LINH	29/08/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
667	NGUYỄN PHẠM YẾN LINH	10/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
668	LÊ THỊ ANH LINH	22/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
669	MÃ TRÚC LINH	01/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
670	PHAN VĂN LINH	18/02/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
671	VŨ THẢO LINH	06/08/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
672	ĐOÀN KHÁNH LINH	18/05/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
673	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG LINH	17/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
674	NGUYỄN ĐIỀU LINH	25/10/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
675	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	25/08/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
676	TRẦN THỊ LINH	10/11/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
677	TRẦN THỊ THÚY LINH	26/08/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
678	VŨ HUỲNH TRÚC LINH	05/11/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
679	DƯƠNG BẢO LINH	21/08/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
680	ĐÀM THỊ LINH	20/06/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
681	NGUYỄN BÙI NGỌC LINH	08/05/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
682	TỔNG KHÁNH LINH	30/06/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
683	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG LINH	09/02/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
684	NGUYỄN THỦY LINH	18/02/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
685	LÊ YẾN LINH	24/12/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	200
686	HÀ MẠNH LINH	28/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
687	TẠ HOÀI LINH	29/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
688	NGUYỄN THỊ BẢO LINH	21/12/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A10	200
689	ĐỖ LÊ THẢO LINH	10/09/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
690	LÊ THỊ NGỌC LINH	11/06/2004	Nữ	Điều dưỡng	C08	200
691	NGUYỄN KIỀU LINH	03/12/2003	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B04	200
692	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	08/01/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
693	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	26/11/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
694	TÔ KHÁNH LINH	28/12/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
695	NGUYỄN THỊ KIM LINH	18/01/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
696	ĐINH THỊ TRÚC LINH	31/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
697	TRẦN THỊ NHẢ LINH	21/05/2002	Nữ	Quản trị khách sạn	A07	200
698	NGUYỄN THẢO LINH	01/11/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A06	200
699	CHU THỊ KHÁNH LINH	16/08/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
700	LÊ THỊ KIM LOAN	31/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
701	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	04/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
702	HUỲNH THỊ KIM LOAN	14/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
703	NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN	09/11/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	200
704	PHẠM ĐOÀN KIM LOAN	28/05/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
705	TRỊNH ĐOÀN THANH LOAN	20/09/2004	Nữ	Điều dưỡng	A06	200
706	NGUYỄN THẾ LỘC	18/10/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D15	200
707	NGUYỄN TÀI LỘC	23/01/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
708	NGUYỄN ĐỨC LỘC	04/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
709	CHI VẦY LỘC	19/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
710	NGUYỄN THÀNH LỘC	06/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
711	TRƯƠNG TẤN LỘC	05/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
712	ĐINH XUÂN LỘC	16/12/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
713	NGUYỄN ĐỨC LỘC	19/04/2002	Nam	Kế toán	A00	200
714	LÊ ĐỨC LỢI	28/02/2002	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
715	PHẠM THÀNH LỢI	21/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
716	NGUYỄN PHI LONG	05/09/2004	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
717	NGUYỄN HÀ BẢO LONG	24/07/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
718	NGUYỄN DUY LONG	20/11/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
719	NGUYỄN ĐỨC LONG	16/02/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
720	HỒ TRẦN NGỌC LONG	24/06/2001	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A07	200
721	CAO NGUYỄN BẢO LUÂN	09/07/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
722	HỒ HẠNG BẢO LUÂN	09/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
723	NGUYỄN QUỐC LUÂN	30/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
724	VÕ NGUYỄN VIỆT LUÂN	29/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
725	PHAN CHIÊU LUÂN	27/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
726	VÕ MINH LUÂN	05/09/2004	Nam	Quản trị khách sạn	C00	200
727	TRƯƠNG MINH LUÂN	04/09/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
728	LÊ HỮU LỰC	11/05/1997	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
729	NGÔ TIẾN LỰC	28/02/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
730	PHẠM THỊ LUYẾN	21/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
731	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LY	02/09/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
732	NGUYỄN KHÁNH LY	27/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
733	NGUYỄN THẢO LY	14/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
734	TRẦN THỊ TRÚC LY	16/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
735	NGÔ NGỌC DUY LY	24/04/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
736	LÊ THỊ TRÚC LY	23/06/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
737	PHẠM TRÚC LY	03/01/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
738	TRƯƠNG LÂM TRÚC LY	08/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
739	ĐÀM THỊ CẨM LY	02/01/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
740	ĐỖ THỊ TRÚC LY	01/09/2004	Nữ	Điều dưỡng	B00	200
741	ĐẶNG VĂN LY	02/03/1994	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
742	VŨ THỊ KHÁNH LY	11/01/2001	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
743	NGUYỄN KIỀU TRÚC LY	13/11/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
744	NGUYỄN NGỌC ÁNH MAI	02/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
745	TRẦN XUÂN MAI	25/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
746	NGUYỄN NGỌC QUỲNH MAI	07/11/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
747	HUỖNH THỊ NGỌC MAI	11/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
748	ĐINH NGỌC PHƯƠNG MAI	13/08/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
749	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	01/02/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
750	LÊ THỊ NGỌC MAI	28/04/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
751	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	26/10/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
752	HOÀNG THỊ CHÚC MAI	12/11/2003	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
753	TRẦN HUỖNH ÚT MAI	27/12/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
754	NGUYỄN NGỌC MAI	26/08/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A10	200
755	HOÀNG NHƯ MAI	02/09/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
756	NGUYỄN THỊ MAI	05/06/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	200
757	NGUYỄN THANH MAI	01/03/2004	Nữ	Điều dưỡng	A06	200
758	PHAN XUÂN MAI	15/01/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	200
759	LÊ NGỌC MAI	31/12/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
760	PHẠM TUYẾT MAI	18/10/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
761	LÊ ĐỨC MẠNH	05/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
762	NGUYỄN VĂN MẠNH	16/03/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
763	NGUYỄN HOÀNG MẠNH	01/08/2004	Nam	Quản trị khách sạn	C00	200
764	TRƯƠNG THỊ XUÂN MẾN	04/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
765	TRẦN THỊ MẾN	09/07/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
766	NGUYỄN TÚ MI	23/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
767	NGUYỄN THỊ THÚY MI	23/02/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
768	PHẠM DUY MINH	05/01/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
769	NGUYỄN TUẤN MINH	30/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
770	TÔ HOÀNG MINH	08/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
771	LÝ MINH	15/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
772	PHẠM TÂM MINH	24/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
773	NGUYỄN ĐỨC MINH	04/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
774	TRỊNH ĐỨC MINH	05/06/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
775	TRẦN LÊ MINH	23/11/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A04	200
776	NGÔ QUANG MINH	25/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
777	ĐINH QUANG MINH	17/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
778	NGUYỄN ĐỨC MINH	09/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
779	HỒ NHẬT MINH	28/09/2004	Nam	Quản trị khách sạn	A09	200
780	TRẦN THỊ HUỆ MINH	18/04/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
781	PHẠM KHÁNH MINH	03/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
782	VŨ HOÀNG MINH	27/10/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
783	NGUYỄN HOÀI BẢO MINH	26/05/2001	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
784	PHẠM NGỌC HOÀNG MINH	18/11/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
785	TRẦN THỊ TRÀ MY	01/06/2003	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
786	BUI TRƯƠNG HOÀNG MY	20/09/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
787	ĐỖ LÊ HÀ MY	19/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
788	TRẦN LÊ TRÀ MY	03/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
789	PHẠM NGỌC THẢO MY	03/11/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
790	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	25/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
791	MAI GIA MY	03/03/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
792	LÊ THỊ TRÀ MY	08/04/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
793	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	26/08/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
794	BUI NGUYỄN TRÀ MY	04/06/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
795	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	06/12/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A10	200
796	HOÀNG THỊ TRÀ MY	29/09/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
797	PHẠM NGỌC TRÚC MY	01/10/2003	Nữ	Điều dưỡng	A06	200
798	HÀ MY	25/07/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
799	NGUYỄN HOÀNG ĐIỂM MY	09/10/1999	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
800	NINH HUYỀN THIÊN MỸ	04/12/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A06	200
801	TRẦN THỊ CẨM MỸ	18/11/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
802	TẠ THỊ NGỌC MỸ	14/06/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
803	NGUYỄN THỊ THU NA	09/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
804	MAI CHI NA	11/02/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
805	ĐÀO HẢI NAM	15/07/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
806	LÊ TRẦN NAM	24/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
807	NGUYỄN QUỐC NAM	29/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
808	TRẦN HỮU NAM	18/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
809	LÊ SỸ NAM	14/04/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
810	TẠ NGUYỄN HOÀI NAM	25/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
811	DƯƠNG VĂN NAM	22/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
812	LÊ NGỌC NAM	31/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
813	NGUYỄN HUY NAM	01/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
814	LÊ NHẬT NAM	24/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
815	NGUYỄN HỮU HOÀI NAM	26/01/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
816	TRẦN HẠO NAM	01/01/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
817	NGUYỄN KHANG NAM	27/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
818	ĐỖ VIỆT NAM	11/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
819	TRẦN HOÀI NAM	18/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
820	ĐỖ THỊ NGÀ	05/11/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
821	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	26/11/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
822	ĐÀO THỊ NGỌC NGÀ	08/08/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
823	PHẠM THỊ THU NGÀ	22/02/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
824	HÀ THỊ THANH NGÀ	18/07/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
825	LẠI THỊ THUY NGÀ	14/05/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
826	NGUYỄN THỊ NGÀ	13/03/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	200
827	NGUYỄN THỊ THANH NGÀ	06/02/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A09	200
828	HỒ THỊ NGÀ	23/01/2003	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
829	HOÀNG THỊ THU NGÀ	04/04/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
830	KÔNG VINH THANH NGÂN	27/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
831	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	06/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
832	TRẦN THỊ KIM NGÂN	31/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
833	NGUYỄN THỊ NGÂN	12/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D14	200
834	PHAN THỊ THANH NGÂN	18/04/2003	Nữ	Đông phương học	A07	200
835	HOÀNG KIM NGÂN	10/09/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
836	LÊ NGUYỄN KIỀU NGÂN	28/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
837	TRƯƠNG THỊ KIM NGÂN	05/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
838	VÔ TRẦN THU NGÂN	05/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
839	NGÔ PHẠM THANH NGÂN	30/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
840	HUỲNH LÊ BẢO NGÂN	26/12/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
841	NGUYỄN NGỌC TUYẾT NGÂN	15/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
842	LÊ THÁI HOÀNG NGÂN	28/09/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
843	PHẠM ĐĂNG KIỀU NGÂN	11/09/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
844	ĐOÀN THUY KIM NGÂN	05/06/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
845	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	08/10/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
846	ĐÀO KHƯƠNG NGÂN	20/05/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
847	ĐẶNG NGUYỄN THÚY NGÂN	05/10/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
848	NGÔ HỒNG PHƯƠNG NGÂN	23/11/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
849	TRẦN NGUYỄN HOÀNG NGÂN	05/02/2003	Nữ	Kế toán	A00	200
850	VÔ THUY KIM NGÂN	15/11/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
851	ĐỒNG LÊ BẢO NGÂN	15/08/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
852	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	27/01/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
853	LÝ PHẠM KIM NGÂN	22/11/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	200
854	NGUYỄN CÁT HỒNG NGÂN	08/05/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
855	NGUYỄN VÔ HOÀI NGÂN	04/06/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
856	ĐỖ PHẠM KIM NGÂN	02/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
857	VÒNG NGỌC NGÂN	04/06/2003	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
858	PHẠM BUI BÌNH NGÂN	10/02/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
859	HÀ THỊ THU NGÂN	31/08/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
860	TRẦN THỊ HỒNG NGÁT	21/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
861	LÊ ĐÀO BẢO NGHI	05/11/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
862	NGUYỄN NGỌC GIA NGHI	20/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
863	NGUYỄN PHƯƠNG NGHI	07/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
864	TRẦN GIA NGHI	07/03/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A09	200
865	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NGHI	21/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
866	PHẠM THANH NGHI	30/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
867	BUI HỮU NGHĨA	02/03/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
868	PHAN TRỌNG NGHĨA	01/04/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
869	Y TRỌNG NGHĨA	08/02/2004	Nam	Kế toán	A00	200
870	PHAN HÀ ĐÌNH NGHĨA	07/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
871	PHẠM NGUYỄN HIẾU NGHĨA	25/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
872	TRẦN HOÀNG NGHĨA	26/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
873	NGUYỄN TRÍ NGHĨA	19/12/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
874	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	19/01/2004	Nam	Kỹ thuật xét nghiệm y học	C08	200
875	TRƯƠNG TRỌNG NGHĨA	17/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
876	NGUYỄN HOÀNG NGHIÊN	24/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
877	NGUYỄN TRẦN VINH NGHIỆP	24/08/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
878	HÀ THỊ THANH NGỌC	02/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
879	LÊ HOÀI YẾN NGỌC	02/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
880	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	28/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
881	MAI NGUYỄN NGỌC	14/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
882	TỔNG PHẠM BẢO NGỌC	28/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
883	ĐOÀN MỸ NGỌC	21/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
884	DƯƠNG LÊ BẢO NGỌC	08/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
885	TRẦN HOÀNG BẢO NGỌC	03/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
886	VŨ NHƯ NGỌC	08/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
887	LÊ LÂM BẢO NGỌC	02/11/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
888	PHẠM NGUYỄN HOÀI NGỌC	19/06/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
889	DƯƠNG THỊ NGỌC	01/06/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
890	ĐỖ NGUYỄN THỊ NGỌC	22/01/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
891	NGUYỄN NHƯ NGỌC	20/06/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
892	HÀ ĐỨC NGỌC	24/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
893	NGUYỄN MINH NGỌC	04/12/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
894	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	19/03/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	200
895	ĐỖ MINH NGỌC	26/11/2004	Nữ	Điều dưỡng	B00	200
896	HOÀNG ANH NGỌC	16/07/2004	Nữ	Điều dưỡng	C08	200
897	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	11/12/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
898	ĐÀO HỒNG NGỌC	23/04/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
899	NGÔ THỊ BẢO NGỌC	13/08/2003	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
900	NGUYỄN LÊ KHÁNH NGỌC	15/03/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
901	HỒ THỊ NGỌC	13/01/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
902	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	19/12/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
903	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	05/09/2002	Nữ	Quản trị khách sạn	A07	200
904	NGUYỄN HOÀNG KIM NGỌC	08/09/2003	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
905	ĐẶNG BẢO NGỌC	03/06/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	200
906	GIANG HỒNG NGỌC	22/09/2003	Nữ	Kế toán	A00	200
907	HUỲNH THẢO NGUYỄN	28/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
908	PHẠM LÊ HIỂU NGUYỄN	10/02/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
909	CAO THỊ MỸ NGUYỄN	10/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
910	HUỲNH THỊ THẢO NGUYỄN	10/04/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
911	TRỊNH DUY NGUYỄN	27/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
912	VÕ THÀNH NGUYỄN	21/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
913	LÊ NHẬT NGUYỄN	01/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
914	LÊ SỸ NGUYỄN	02/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
915	NGUYỄN THỊ THUỶ NGUYỄN	06/11/1999	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
916	HUỲNH THỊ HỒNG NGUYỄN	22/11/1998	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
917	CAO NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	03/01/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
918	ĐỖ NGUYỄN ĐẶNG NGUYỄN	22/02/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
919	MAI THẢO NGUYỄN	19/01/2000	Nữ	Đông phương học	C00	200
920	ĐÀO MAI ANH NGUYỆT	16/11/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
921	BÙI NGUYỄN THU NGUYỆT	05/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
922	TRẦN ANH NGUYỆT	07/10/2004	Nữ	Điều dưỡng	B04	200
923	NGUYỄN THỊ HẠNH NHẢ	20/09/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
924	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG NHẢ	23/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
925	LÊ HỒ TRANG NHẢ	18/11/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
926	LƯU THỊ THANH NHÂN	06/07/2003	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
927	TRẦN NGUYỄN THANH NHÂN	10/02/2003	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
928	LƯU THANH NHÂN	01/01/2004	Nữ	Điều dưỡng	B00	200
929	THÁI THỊ THỰC NHÂN	10/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
930	BÙI NGUYỄN ĐÌNH NHÂN	04/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
931	BÙI NGUYỄN HỮU NHÂN	21/04/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A01	200
932	TRẦN LÊ TRUNG NHÂN	23/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
933	LÊ THÀNH NHÂN	20/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
934	VÕ THIÊN NHÂN	25/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
935	NGUYỄN HOÀNG NHÂN	26/06/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
936	NGUYỄN THANH NHÂN	16/02/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
937	NGUYỄN MINH NHẬT	10/01/2003	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
938	NGUYỄN MINH NHẬT	06/06/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
939	NGUYỄN MINH NHẬT	21/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
940	NGÔ QUANG NHẬT	01/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
941	NGUYỄN MINH NHẬT	03/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
942	NGUYỄN PHÚC MINH NHẬT	30/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
943	LẠI MINH NHẬT	02/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
944	NGUYỄN MINH NHẬT	14/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A01	200
945	TRƯƠNG MINH NHẬT	15/03/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
946	LÊ HOÀI HẠ NHẬT	27/06/2004	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C20	200
947	TRẦN QUANG NHẬT	02/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
948	MAI TUYẾT NHI	15/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
949	NGUYỄN TRẦN THẢO NHI	11/11/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
950	NGUYỄN UYÊN NHI	22/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
951	PHẠM NGUYỄN NGỌC NHI	22/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
952	TẮT LÊ PHƯƠNG NHI	26/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
953	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	19/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
954	ĐÀO THỊ YẾN NHI	24/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
955	VŨ THỊ TRÚC NHI	13/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
956	NGÔ HUỲNH PHƯƠNG NHI	27/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
957	VŨ THỊ THẢO NHI	05/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
958	VŨ HOÀNG YẾN NHI	27/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D14	200
959	NGUYỄN YẾN NHI	13/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D15	200
960	NGUYỄN HỒNG ÁI NHI	08/06/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
961	TRẦN THANH THẢO NHI	19/05/2001	Nữ	Đông phương học	C00	200
962	PHAN YẾN NHI	11/12/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
963	HOÀNG TRẦN YẾN NHI	01/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
964	NGUYỄN HỒNG YẾN NHI	28/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
965	NGUYỄN LÂM QUỲNH NHI	14/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
966	NGUYỄN THỊ HOÀI NHI	28/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
967	NGUYỄN YẾN NHI	19/02/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
968	THÁI NGỌC YẾN NHI	22/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
969	TRẦN NGỌC YẾN NHI	27/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
970	BÙI HOÀNG ĐAN NHI	10/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
971	PHẠM UYÊN NHI	07/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
972	TRỊNH NGỌC QUỲNH NHI	24/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
973	ĐÀO TRẦN VIỆT NHI	04/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
974	NGÔ UYÊN NHI	26/02/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
975	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	23/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
976	NGUYỄN YẾN NHI	05/12/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
977	PHAN THỊ BÌNH NHI	04/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
978	BÙI UYÊN NHI	07/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
979	LÊ PHẠM YẾN NHI	01/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
980	ỖN NGỌC YẾN NHI	06/02/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
981	PHAN THỊ THANH NHI	04/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
982	TRẦN TUYẾT NHI	14/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
983	LÊ TRẦN TUYẾT NHI	05/09/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
984	PHẠM VŨ YẾN NHI	17/09/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
985	TRẦN HƯƠNG NHI	16/06/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
986	LÊ THỊ HUỲNH NHI	01/01/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
987	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	02/04/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
988	PHẠM ÁNH NHI	14/05/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
989	PHẠM QUỲNH NHI	24/11/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
990	TRẦN NỮ MONG NHI	31/05/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
991	NGUYỄN HAI YẾN NHI	20/08/2000	Nữ	Kế toán	A07	200
992	PHẠM THỊ YẾN NHI	29/03/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
993	VŨ THÁI XUÂN NHI	17/06/2003	Nữ	Kế toán	A07	200
994	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	09/08/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
995	TRẦN PHẠM YẾN NHI	06/12/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
996	LÊ LAN UYÊN NHI	30/08/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A10	200
997	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHI	15/10/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A10	200
998	TRẦN THỊ HOÀI NHI	30/01/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
999	LÝ TRÚC THẢO NHI	04/05/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B04	200
1000	NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI	26/06/2004	Nữ	Điều dưỡng	C08	200
1001	NGUYỄN NGỌC TỬ NHI	19/07/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B04	200
1002	TRẦN THỊ NHI	11/01/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
1003	NGUYỄN LÊ KIỀU NHI	09/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1004	NGUYỄN THỊ NHI	05/11/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1005	ĐÀO THỊ YẾN NHI	08/11/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
1006	NGUYỄN HỒ XUÂN NHI	04/11/2003	Nữ	Đông phương học	D01	200
1007	NGUYỄN YẾN NHI	22/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1008	TRẦN NGỌC NHI	12/07/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1009	NGUYỄN NGỌC TUYẾT NHI	16/09/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B04	200
1010	NGUYỄN NGỌC KIM NHIÊN	28/04/2000	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
1011	VÕ THỊ HỒNG NHIÊN	05/12/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1012	LÝ QUỲNH NHƯ	21/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
1013	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	05/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1014	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	04/09/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1015	NGÔ NGỌC NHƯ	22/10/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
1016	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	26/09/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
1017	TRẦN NGUYỄN YẾN NHƯ	17/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1018	NGÔ BẢO MINH NHƯ	17/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1019	NGUYỄN HỒ QUỲNH NHƯ	24/10/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1020	LÊ HUỲNH NHƯ	17/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1021	DƯƠNG NGUYỄN THUY NHƯ	29/11/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1022	ĐINH THỊ THANH NHƯ	30/04/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1023	LẠI TRẦN KIM NHƯ	23/09/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
1024	NGUYỄN THỊ KHÁNH NHƯ	08/05/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
1025	HỒ HOÀI NHƯ	29/12/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
1026	LƯƠNG NGỌC QUỲNH NHƯ	19/01/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A10	200
1027	NGUYỄN THỊ NHƯ	25/06/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
1028	DƯƠNG THỊ QUỲNH NHƯ	19/04/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B04	200
1029	TÀO QUỲNH NHƯ	19/01/2004	Nữ	Điều dưỡng	C08	200
1030	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	04/08/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A07	200
1031	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	06/07/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	200
1032	LÊ TÂM NHƯ	01/12/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
1033	BÙI NGỌC QUỲNH NHƯ	06/10/2003	Nữ	Kế toán	A09	200
1034	NGÔ HUỲNH TỔ NHƯ	23/03/2004	Nữ	Điều dưỡng	C08	200
1035	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	09/12/2003	Nữ	Kế toán	A07	200
1036	NGUYỄN TUYẾT NHUNG	05/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1037	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	20/11/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1038	TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG	23/04/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1039	NGUYỄN HỒNG NHUNG	10/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1040	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	18/11/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1041	NGUYỄN VŨ TUYẾT NHUNG	01/11/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1042	BÙI THỊ KIM NHUNG	05/12/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1043	TRẦN HỒNG NHUNG	30/12/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1044	NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG	19/02/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
1045	BÙI NGỌC NHUNG	25/06/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	200
1046	NGUYỄN HỒNG TRANG NHUNG	22/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1047	TRẦN HỒNG NHUNG	02/04/2003	Nữ	Kế toán	A09	200
1048	DƯƠNG VĂN NƠI	24/06/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1049	LÊ THỊ MỸ NƯƠNG	12/05/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1050	HÀ THỊ KIM OANH	02/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1051	NGUYỄN THỊ KIM OANH	30/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1052	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	12/05/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1053	PHƯƠNG KIỀU OANH	22/10/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1054	ĐỖ HOÀNG OANH	05/02/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
1055	LÊ THỊ YẾN OANH	23/06/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	A06	200
1056	VŨ THỊ KIM OANH	27/09/1995	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A09	200
1057	TRẦN LÊ NGỌC KIỀU OANH	23/05/2003	Nữ	Quản trị khách sạn	A07	200
1058	BÙI THỊ PHƯƠNG OANH	29/03/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1059	TRƯƠNG PHẠM HOÀNG OANH	28/09/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1060	LÊ THỊ PHẠM	25/09/2004	Nữ	Kế toán	A09	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1061	ĐỖ THÀNH PHÁT	15/01/2004	Nam	Đông phương học	D01	200
1062	PHẠM DUY PHÁT	03/11/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
1063	NGUYỄN TÂN PHÁT	25/02/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
1064	LỘC THÀNH PHÁT	04/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1065	NGUYỄN QUANG HOÀNG PHÁT	23/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1066	TỔNG NHẬT PHÁT	03/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1067	TRẦN NHẬT PHÁT	21/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1068	HỒ ĐẮC TÂN PHÁT	02/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1069	NGÔ HOÀNG PHÁT	10/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1070	NGUYỄN TÂN PHÁT	03/02/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
1071	LÊ TÂN PHÁT	01/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1072	NGUYỄN HOÀNG TÂN PHÁT	16/02/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
1073	ÔN ĐĂNG TRƯỜNG PHÁT	03/09/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	B04	200
1074	NGÔ TÂN PHÁT	22/01/2004	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A09	200
1075	PHẠM TỎ THIÊN PHÁT	26/09/2004	Nam	Quản trị khách sạn	C00	200
1076	PHẠM HÙNG PHÁT	21/06/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A04	200
1077	NGUYỄN MINH PHÁT	26/03/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1078	LÊ NGỌC PHI	01/09/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1079	NGÔ HOÀNG THANH PHI	08/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1080	PHẠM HOÀNG PHONG	21/08/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1081	HOÀNG QUỐC PHONG	15/12/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
1082	DƯƠNG THANH PHONG	27/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1083	NGUYỄN DANH PHONG	07/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1084	TRẦN HUỖNH THANH PHONG	27/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A01	200
1085	PHẠM XUÂN PHÚ	09/02/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1086	LÊ NGỌC PHÚ	17/03/2004	Nam	Kế toán	D84	200
1087	TRẦN QUANG PHÚ	30/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1088	VÕ TRIỆU PHÚ	05/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1089	PHAN MINH PHÚ	19/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1090	NGUYỄN NGỌC PHÚ	16/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1091	PHẠM VĂN PHÚ	12/12/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
1092	HUỖNH THIÊN PHÚ	29/12/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
1093	HUỖNH THỊ HỒNG PHÚC	02/06/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
1094	NGUYỄN THIÊN HỒNG PHÚC	30/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1095	TẠ ĐOÀN NGUYỄN PHÚC	26/05/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
1096	LÊ ĐÌNH PHÚC	05/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1097	LÊ HỒNG PHÚC	26/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1098	NGUYỄN HỒNG PHÚC	08/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1099	NGUYỄN LÊ BẢO PHÚC	01/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1100	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	27/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1101	TRẦN NGUYỄN TRỌNG PHÚC	20/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1102	BÙI HOÀNG PHÚC	03/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1103	NGUYỄN HỒNG PHÚC	06/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1104	THÁI HOÀI PHÚC	24/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1105	HÀ BẢO PHÚC	12/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1106	MAI VĂN PHÚC	12/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
1107	HÀ NGUYỄN HỒNG PHÚC	01/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1108	NGUYỄN NGỌC PHÚC	14/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1109	NGUYỄN VIỆT PHÚC	25/10/2004	Nam	Quản trị khách sạn	A09	200
1110	TRẦN NGUYỄN PHÚC	01/07/2004	Nam	Quản trị khách sạn	C20	200
1111	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	07/03/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1112	VÕ THỊ KIM PHỤNG	30/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1113	LƯƠNG THIÊN PHỤNG	17/08/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1114	NGUYỄN MINH PHỤNG	25/08/2004	Nam	Quản trị khách sạn	A09	200
1115	HOÀNG KIM PHỤNG	14/11/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1116	TSENG MỸ PHỤNG	19/03/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1117	VOÔNG MỸ PHỤNG	25/02/2002	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1118	NGUYỄN NGỌC PHỤNG	24/04/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1119	PHẠM HỮU PHƯỚC	20/01/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
1120	LẠI TIẾN PHƯỚC	27/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1121	ĐẶNG HỮU PHƯỚC	11/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1122	NGUYỄN THIÊN PHƯỚC	12/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
1123	LỮ THẾ PHƯƠNG	15/05/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1124	LÊ THỊ TRÚC PHƯƠNG	25/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1125	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	14/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1126	TRẦN THỊ NGỌC PHƯƠNG	05/05/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
1127	NGUYỄN DIỆP PHƯƠNG	11/05/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
1128	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	15/04/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1129	VŨ THỊ MAI PHƯƠNG	31/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
1130	PHAN THỊ Ý PHƯƠNG	12/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1131	TRẦN ĐÌNH HOÀNG PHƯƠNG	08/08/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1132	NGUYỄN HÀ YẾN PHƯƠNG	30/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1133	NGUYỄN THU PHƯƠNG	08/10/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1134	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	28/10/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
1135	TRẦN THỊ HUỲNH PHƯƠNG	04/01/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1136	LÊ ĐỒNG DUY PHƯƠNG	06/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1137	HUỲNH THÁI TIỂU PHƯƠNG	01/05/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B04	200
1138	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG	26/11/2004	Nữ	Điều dưỡng	C08	200
1139	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG	20/01/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1140	BÙI NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	16/04/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C20	200
1141	NGÔ MINH PHƯƠNG	13/01/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A07	200
1142	TRƯƠNG THỊ UYÊN PHƯƠNG	18/02/2003	Nữ	Kế toán	A09	200
1143	LÊ THỊ HÀ PHƯƠNG	04/12/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1144	NGUYỄN PHÙNG THÚY PHƯƠNG	25/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1145	BÙI BÍCH PHƯỢNG	28/11/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1146	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG	31/12/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1147	CÙ THỊ PHƯỢNG	10/12/1996	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1148	NGUYỄN THỊ THU PHƯỢNG	10/04/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1149	THÁI THỊ KIM PHƯỢNG	23/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1150	NGUYỄN TRẦN BÍCH PHƯỢNG	27/12/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
1151	TRẦN THỊ PHƯỢNG	16/08/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1152	VŨ KIỀU PHƯỢNG	22/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1153	ĐÌNH NGUYỄN MINH QUÂN	09/12/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1154	NGUYỄN ĐỖ THÀNH QUÂN	18/01/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1155	NGUYỄN MINH QUÂN	13/08/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
1156	LẠI MINH QUÂN	06/07/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
1157	HOÀNG MINH QUÂN	09/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1158	CAO TRẦN ANH QUÂN	17/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1159	VÔNG DƯƠNG QUÂN	17/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1160	HUỲNH MINH QUÂN	28/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1161	NGUYỄN THÀNH QUÂN	26/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1162	ĐẶNG MINH QUÂN	31/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1163	NGUYỄN NGỌC MINH QUÂN	13/07/2004	Nam	Quản trị khách sạn	C00	200
1164	ĐẶNG BÁ HOÀNG QUÂN	17/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1165	TRẦN ĐÔNG QUÂN	08/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1166	ĐẶNG DUY QUANG	26/08/2003	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1167	TRẦN NHẬT QUANG	09/06/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
1168	TRẦN VĂN HẢO QUANG	16/01/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1169	ĐẶNG VINH QUANG	26/02/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1170	NGUYỄN TRẦN THANH QUANG	01/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1171	ĐOÀN NHẬT QUANG	13/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1172	ĐẶNG DUY QUANG	09/04/2003	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A01	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1173	NGUYỄN THANH QUANG	24/12/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1174	VŨ ĐỨC QUANG	22/07/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
1175	NGUYỄN HỮU QUANG	22/12/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
1176	DƯƠNG NGỌC QUÍ	08/12/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1177	TRẦN VƯƠNG CƯỜNG QUỐC	01/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1178	ĐẶNG SỸ QUỐC	02/04/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	B00	200
1179	BÙI THỊ LAN QUY	05/04/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1180	PHẠM CÔNG QUÝ	23/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1181	TRẦN VĂN QUÝ	24/12/2003	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C20	200
1182	LÂM BÁ QUÝ	30/05/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1183	VÕ HOÀNG QUÝ	07/09/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1184	LÊ PHẠM THỊ NHÃ QUYÊN	06/08/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
1185	TRẦN MỸ QUYÊN	07/09/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
1186	CHÂU NỮ TỐ QUYÊN	20/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1187	TRẦN TÚ QUYÊN	10/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1188	BÙI NGỌC THẢO QUYÊN	20/02/2000	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1189	TRƯƠNG THỊ NGỌC QUYÊN	04/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1190	PHẠM NGÔ QUYÊN	18/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1191	NGUYỄN TRƯƠNG TÂN QUYÊN	06/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1192	HOÀNG THỊ NHƯ QUỲNH	17/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D15	200
1193	VÕ THỊ NHƯ QUỲNH	03/10/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
1194	PHẠM THỊ TRÚC QUỲNH	10/07/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
1195	TRẦN NGỌC QUỲNH	12/03/2000	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
1196	HOÀNG THỊ NHƯ QUỲNH	27/04/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1197	LƯƠNG LÊ NHƯ QUỲNH	27/10/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1198	PHẠM NHƯ QUỲNH	23/04/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
1199	LƯU NHƯ QUỲNH	16/05/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
1200	NGUYỄN MẠNH QUỲNH	23/05/2004	Nam	Điều dưỡng	A06	200
1201	PHẠM NGUYỄN ĐIỂM QUỲNH	07/06/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A09	200
1202	MAI NHƯ QUỲNH	27/02/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1203	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	20/11/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
1204	TRỊNH TÚ QUỲNH	27/01/2003	Nữ	Điều dưỡng	C08	200
1205	TRẦN THUY NHƯ QUỲNH	18/11/2003	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1206	VŨ THỊ QUỲNH	19/09/2003	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
1207	CAO BÙI TRÚC QUỲNH	10/05/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A09	200
1208	NGUYỄN PHẠM NHƯ QUỲNH	18/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
1209	LƯƠNG KIM SAN	05/04/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1210	NGUYỄN HUỲNH SAN SAN	01/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
1211	PHẠM NGỌC SANG	26/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1212	ĐẶNG HOÀNG SANG	03/10/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
1213	NGUYỄN QUANG SÁNG	21/04/1982	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1214	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG SƠN	19/05/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1215	MAI TRƯỜNG SƠN	15/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1216	NGUYỄN HỒNG SƠN	11/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1217	ĐỖ NGỌC SƠN	11/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1218	NGUYỄN THÁI SƠN	23/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1219	NGUYỄN HỒNG SƠN	29/01/2003	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A04	200
1220	LÊ HUỲNH THIÊN SƠN	01/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1221	AN NGUYỄN NGỌC SƠN	07/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1222	NGUYỄN HOÀNG ANH SƠN	14/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1223	LÊ VĂN SƠN	30/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
1224	LÃNG HOÀNG LINH SƠN	22/02/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
1225	TÔ THỂ SƠN	28/12/2004	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1226	NGUYỄN THANH SƠN	30/06/2004	Nam	Quản trị khách sạn	C00	200
1227	PHAN VĂN SƠN	03/01/1999	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1228	LÊ BÍCH SƠN	09/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1229	NGUYỄN KHÁNH SƠN	30/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1230	NGUYỄN PHƯỚC THỊ SƯƠNG	18/08/2004	Nữ	Đông phương học	D15	200
1231	HÀ TIẾN SỸ	20/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1232	BÙI BÁ TÀI	01/11/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1233	NGUYỄN TRÍ TÀI	09/11/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
1234	LẠI VŨ CAO THÀNH TÀI	30/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1235	NGUYỄN ĐOÀN PHÚC TÀI	24/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1236	ĐINH PHÚ TÀI	04/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1237	TRẦN ĐỨC TÀI	28/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1238	LƯU VĂN TÀI	14/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1239	VÕ MINH TÀI	04/07/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
1240	LÊ TẤN TÀI	12/05/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
1241	NGUYỄN ĐỨC TÀI	08/03/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
1242	NGUYỄN THANH TÂM	18/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
1243	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	27/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1244	KHÚC THANH TÂM	13/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1245	NGUYỄN LÊ MINH TÂM	22/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1246	VÕ THỊ TÂM	16/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1247	NGUYỄN NGỌC THANH TÂM	19/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1248	VÕ THỊ MỸ TÂM	27/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1249	NGUYỄN THỊ MỸ TÂM	18/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1250	HUỖNH NGỌC HỒNG TÂM	18/01/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
1251	TRẦN THỊ MỸ TÂM	01/04/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
1252	NGUYỄN THANH TÂM	03/10/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
1253	PHẠM THỊ MỸ TÂM	05/02/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
1254	NGUYỄN THIÊN TÂM	14/02/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1255	DUƠNG VĂN TÂM	08/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1256	DUƠNG THỊ THANH TÂM	15/08/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	200
1257	NGUYỄN THỊ NHƯ TÂM	20/02/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C20	200
1258	NGUYỄN MINH TÂM	16/10/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1259	NGUYỄN VŨ THANH TÂM	09/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
1260	TRẦN THỊ THANH TÂM	26/03/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	200
1261	PHẠM DUY TÂN	18/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1262	LÊ HỮU MINH TÂN	20/12/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
1263	PHẠM NGỌC TÂN	09/07/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1264	PHẠM LÊ NHẬT TÂN	12/07/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
1265	HOÀNG ĐÌNH TÂN	05/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1266	TRẦN ÁNH TÂY	11/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1267	TẠ ANH MINH THÁI	28/08/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
1268	NGUYỄN HOÀNG THÁI	03/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
1269	PHẠM THỊ HỒNG THẨM	31/01/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
1270	NGUYỄN HỒNG THẨM	15/04/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1271	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	19/09/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	200
1272	ĐẶNG NGỌC THÂN	07/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1273	NGUYỄN THỊ THÂN	02/08/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C20	200
1274	NGUYỄN HAI THẮNG	25/07/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1275	NGUYỄN VĂN THẮNG	25/05/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1276	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	10/02/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1277	TRẦN HOÀNG THẮNG	24/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1278	NGÔ NGỌC THẮNG	09/03/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A01	200
1279	VŨ NGỌC THẮNG	23/04/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A01	200
1280	QUÁCH DANH THẮNG	15/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1281	PHÙNG QUANG THẮNG	11/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1282	BÙI ĐỨC THẮNG	24/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1283	NGUYỄN TRUNG THẮNG	29/04/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
1284	HUỖNH HỮU THẮNG	14/02/2002	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1285	NGUYỄN MAI THANH	01/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
1286	NGUYỄN THỊ THANH	09/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1287	TRƯỜNG TRẦN HOÀI THANH	01/01/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
1288	TRƯỜNG LÝ THANH	12/06/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
1289	TẠ THỊ THANH	05/10/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1290	ĐẶNG THỊ THANH	02/09/2003	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
1291	LƯƠNG VĂN THANH	16/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1292	NGUYỄN DUY THANH	04/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1293	NGUYỄN CHỈ THANH	20/07/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
1294	NGUYỄN HOÀI THANH	17/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1295	VÕ DUY THANH	25/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
1296	VŨ THỊ HOÀI THANH	18/05/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1297	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	26/03/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A10	200
1298	LÊ THÁNH	03/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1299	VÕ TUẤN THÀNH	05/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1300	TĂNG VĂN THÀNH	09/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1301	NGUYỄN VŨ THÀNH	09/09/2003	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A04	200
1302	NGUYỄN XUÂN THÀNH	18/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1303	PHẠM ĐÌNH THÀNH	19/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1304	BÙI MINH THÀNH	14/12/2004	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1305	ĐỖ XUÂN THÀNH	31/03/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
1306	NGUYỄN NGỌC THANH THẢO	20/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1307	NGUYỄN TRẦN HƯƠNG THẢO	26/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1308	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	13/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1309	NGUYỄN THỊ THẢO	10/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1310	TRẦN THỊ THANH THẢO	11/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1311	NGUYỄN PHAN THANH THẢO	29/08/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1312	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	29/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1313	PHAN THỊ THANH THẢO	07/12/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1314	TRẦN THỊ THU THẢO	02/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1315	VŨ ĐOÀN UYÊN THẢO	30/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1316	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	13/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1317	TRỊNH THANH THẢO	03/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1318	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	24/02/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1319	ĐOÀN NGỌC THẢO	29/04/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1320	HUỲNH THỊ THANH THẢO	22/12/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1321	NGUYỄN THỊ THU THẢO	05/02/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1322	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	19/09/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
1323	LÊ THỊ THẢO	13/03/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1324	PHẠM PHƯƠNG THẢO	03/08/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1325	TRẦN PHƯƠNG THẢO	12/05/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1326	LÊ THỊ THU THẢO	19/01/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
1327	CAO THỊ THUẬN THẢO	08/06/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	200
1328	TRẦN THỊ NGỌC THẢO	23/12/2004	Nữ	Điều dưỡng	B04	200
1329	BÙI THỊ THANH THẢO	10/07/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	A06	200
1330	NGUYỄN BÍCH THẢO	05/02/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1331	HỒ THỊ XUÂN THẢO	10/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1332	HÀ THU THẢO	02/01/2002	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1333	DƯƠNG THỊ THANH THẢO	02/07/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
1334	PHẠM THỊ THU THẢO	13/09/1990	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1335	PHẠM NGỌC THANH THẢO	30/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1336	NGUYỄN THANH THẢO	28/06/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
1337	LÊ THỊ THANH THẢO	17/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1338	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	22/05/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1339	NGUYỄN NGỌC THANH THẢO	29/10/2004	Nữ	Điều dưỡng	B04	200
1340	BÙI THỊ THÈM	26/12/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1341	PHẠM NGỌC ANH THI	02/07/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
1342	ĐÀO MINH THI	20/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
1343	NGUYỄN THỊ ANH THI	26/11/2003	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1344	ĐẶNG THỊ ANH THI	26/09/2003	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1345	ĐINH THỊ THÁI	04/04/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
1346	NGUYỄN ĐẮC THÍCH	03/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1347	LÊ THỊ DUYỄN THIÊN	22/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1348	VÕ THANH THIÊN	21/05/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
1349	NGUYỄN ĐẮC HẢI THIÊN	02/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1350	BÙI ANH THIÊN	22/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1351	NGUYỄN THỊ THUẬN THIÊN	14/07/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
1352	PHẠM BÁ THIÊN	12/08/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
1353	TRẦN THỊ MỸ THIÊN	29/07/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
1354	HỒ THỊ BÁCH THIÊN	21/09/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
1355	NGUYỄN NGỌC THIÊN	11/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1356	TRƯƠNG PHÚC THIÊN	26/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1357	NGUYỄN TRẦN MINH THIÊN	16/09/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
1358	VŨ VIỆT THIÊN	04/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1359	MAI ĐÌNH THỊNH	25/08/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
1360	NGUYỄN HƯNG THỊNH	07/03/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1361	NGUYỄN HOÀNG THỊNH	14/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1362	NGUYỄN LÊ QUANG THỊNH	30/07/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1363	PHẠM ĐỨC THỊNH	01/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A01	200
1364	TẠ VĂN THỊNH	07/11/2003	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1365	HỒ TẤN THỊNH	07/02/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A10	200
1366	HOÀNG TIỀN THỊNH	15/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1367	TẠ TRẦN QUỐC THỊNH	26/12/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1368	NGUYỄN LÊ HOÀNG THƠ	21/09/2004	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1369	HOÀNG NGỌC THỊ THƠ	09/09/2004	Nữ	Điều dưỡng	B00	200
1370	CÔ NGUYỄN MINH THƠ	04/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1371	LÊ ĐỨC THỌ	18/04/2004	Nam	Đông phương học	C00	200
1372	NGUYỄN THỊ KIM THOA	16/01/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	200
1373	TÔ THỊ KIM THOA	27/01/2003	Nữ	Kế toán	A00	200
1374	TRẦN MINH VŨ THOAI	10/07/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1375	NGUYỄN HOÀNG THÔNG	14/12/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1376	TRẦN THÁI THÔNG	06/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1377	LÊ VĂN THÔNG	04/03/2003	Nam	Công nghệ thực phẩm	B04	200
1378	VŨ THỊ HOÀI THU	06/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1379	BÙI THỊ LỆ THU	29/10/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
1380	PHAN THỊ NGỌC THU	24/05/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1381	NGUYỄN TRẦN ANH THU	22/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1382	NGUYỄN ANH THU	23/03/2002	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
1383	LINH THỊ MINH THU	03/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1384	HUỶNH THỊ MINH THU	05/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1385	HUỶNH THỊ MINH THU	29/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1386	ĐẶNG MINH THU	09/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1387	TRẦN LÊ ANH THU	02/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1388	NGUYỄN ANH THU	28/09/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
1389	PHẠM LÊ ANH THU	20/01/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
1390	ĐÀO MINH THU	20/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1391	HUỶNH THÁI ANH THU	01/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1392	PHẠM THỊ ANH THU	26/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1393	NGUYỄN KIM THU	23/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1394	NGUYỄN THỊ KIM THU	22/02/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1395	VÕ NGỌC MINH THU	28/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1396	HUỶNH MINH THU	12/10/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1397	NGUYỄN TRẦN ANH THU	02/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1398	NGUYỄN NGỌC ANH THU	27/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
1399	NGUYỄN NGỌC MINH THU	07/08/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1400	PHẠM TRỊNH ANH THU	21/01/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
1401	ĐINH THỊ ANH THU	17/02/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
1402	NGUYỄN ANH THU	25/10/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
1403	NGUYỄN LÊ ANH THU	26/09/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
1404	PHAN MINH THU	11/06/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
1405	TRẦN PHỤNG THU	11/08/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	200
1406	TRẦN THỊ MINH THU	05/05/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A04	200
1407	NGUYỄN SONG THU	12/05/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A10	200
1408	CAO THỊ ANH THU	22/05/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
1409	TRẦN NGUYỄN ANH THU	05/09/2004	Nữ	Điều dưỡng	B00	200
1410	PHẠM MINH THU	23/07/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
1411	VŨ THỊ MINH THU	31/07/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
1412	PHẠM ĐO ANH THU	25/04/2003	Nữ	Quản trị khách sạn	A07	200
1413	LÊ HOÀNG ANH THU	21/08/2001	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1414	TRẦN NGUYỄN ANH THU	11/11/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1415	NGUYỄN NINH THUẬN	03/09/2004	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1416	NGUYỄN TRIỀU THUẬN	09/02/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1417	NGUYỄN MINH THUẬN	30/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1418	NGUYỄN ĐÌNH MINH THUẬN	15/12/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A01	200
1419	PHẠM MINH THUẬN	21/01/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
1420	TRẦN ĐÌNH KIẾN THỨC	20/09/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
1421	LÊ THỊ HOÀI THƯƠNG	05/07/2003	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1422	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	27/03/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1423	ĐÀO THỊ THƯƠNG	22/02/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
1424	THÁI THỊ THƯƠNG	02/08/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
1425	PHAN VŨ HOÀI THƯƠNG	23/09/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1426	VÔNG THỊ HOÀI THƯƠNG	05/03/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	200
1427	NGUYỄN THỊ THÚY	29/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1428	ĐƯƠNG THỊ THANH THÚY	15/04/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1429	NGUYỄN HOÀNG ANH THÚY	20/07/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1430	LÊ NGỌC THANH THÚY	22/01/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1431	ĐỖ THỊ THÚY	19/01/2000	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1432	BÙI THỊ THÚY	11/09/1998	Nữ	Kế toán	A00	200
1433	NGUYỄN NGỌC ĐAN THỦY	30/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1434	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THỦY	10/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1435	NGUYỄN THỦY THANH THỦY	31/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1436	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	03/06/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
1437	ĐỖ TRANG THANH THỦY	19/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1438	ĐINH TRỊNH ĐAN THỦY	15/09/2004	Nữ	Điều dưỡng	B00	200
1439	PHAN THỊ PHƯƠNG THỦY	19/10/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1440	ĐỖ MẠNH THỦY	23/01/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1441	LÊ THỊ THỦY	08/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1442	NGUYỄN KIM MINH THỦY	14/11/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1443	LÊ THỊ THANH THỦY	16/03/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1444	ĐẶNG THỊ DIỄM THỦY	08/03/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
1445	HỒ LÊ THU THỦY	31/12/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A07	200
1446	NGUYỄN NGỌC BẢO THY	26/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1447	NGUYỄN HOÀNG THY	28/02/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1448	PHẠM NGUYỄN HOÀI THY	02/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1449	LẠI NGUYỄN UY THY	31/03/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A06	200
1450	VÕ THỦY TIỀN	19/09/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1451	NGUYỄN LÊ NGỌC THỦY TIỀN	02/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1452	NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN	19/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1453	TRINH THUY TIEN	23/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
1454	VÔ THỊ CẨM TIEN	05/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1455	NGUYỄN THỊ MỸ TIEN	29/09/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1456	NGUYỄN NGỌC THUY TIEN	05/02/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A04	200
1457	NGUYỄN THỊ THUY TIEN	10/10/2004	Nữ	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
1458	NGUYỄN THỊ NGỌC TIEN	09/09/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
1459	NGUYỄN THỊ CẨM TIEN	06/04/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C20	200
1460	NGUYỄN LAM TIEN	26/01/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
1461	NGUYỄN ĐÀO HOÀI TIEN	18/04/2003	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1462	NGUYỄN PHẠM MINH TIEN	06/02/2004	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1463	NGUYỄN QUYẾT TIEN	09/08/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
1464	PHẠM MINH TIEN	10/04/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
1465	NGUYỄN TRIỆU TIEN	10/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1466	NGUYỄN ĐỨC TRÍ TIEN	21/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1467	NGUYỄN MINH TIEN	04/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1468	NGÔ NGỌC TIEN	08/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1469	NGUYỄN LÊ MINH TIEN	11/09/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A04	200
1470	PHẠM HOÀNG TIEN	21/08/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A10	200
1471	NGUYỄN MINH TIEN	28/07/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1472	ĐINH QUANG TIEN	05/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1473	LÊ MINH TIEN	02/12/2004	Nam	Quản trị khách sạn	A09	200
1474	LÊ TRUNG TÍN	28/07/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1475	ĐẶNG THÀNH TÍN	05/10/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
1476	NGUYỄN TRỌNG TÍN	06/11/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1477	NGUYỄN VŨ THÀNH TÍN	18/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1478	DƯƠNG TRUNG TÍN	14/01/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1479	HOÀNG KIM TỊNH	23/12/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1480	PHẠM VĂN TOÁN	18/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1481	NGUYỄN MINH TOÀN	10/10/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
1482	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	03/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1483	ĐẶNG THÁI TOÀN	09/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
1484	HÀ HUỲNH CHÍ TOÀN	29/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
1485	LÊ THANH TOÀN	22/07/2004	Nam	Quản trị khách sạn	C00	200
1486	MAI THỊ TRÀ	02/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1487	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ	18/03/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1488	ÂU THỊ THANH TRÀ	16/08/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
1489	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ	01/02/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A07	200
1490	ĐẬU THỊ TRÀ	24/08/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1491	ĐẬU THỊ MINH TRÀ	23/03/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1492	NGUYỄN NGỌC TRÂM	16/09/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1493	NGUYỄN BÍCH TRÂM	08/04/2003	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1494	LIU NGOC PHUONG TRAM	02/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D14	200
1495	ĐỖ THỊ NGỌC TRÂM	04/08/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1496	VÔ THỊ NGỌC TRÂM	10/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1497	NGÔ THỊ NGỌC TRÂM	26/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1498	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	28/08/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
1499	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂM	06/06/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1500	ĐẶNG THỊ NGỌC TRÂM	29/01/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
1501	PHẠM THỊ NGỌC TRÂM	26/10/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
1502	BUI NGOC TRAM	20/02/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
1503	TRẦN THỊ PHƯƠNG TRÂM	25/12/1993	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1504	NGUYỄN NGỌC TRÂM	25/10/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
1505	NGUYỄN THỊ HÀ TRÂM	15/02/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B04	200
1506	NGÔ THỊ HOÀI TRÂM	28/05/2001	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1507	ĐẶNG NGUYỄN MAI TRÂM	01/12/2002	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1508	NGUYỄN NGỌC TRÂM	15/05/2002	Nữ	Đông phương học	A07	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1509	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	13/11/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
1510	NGUYỄN THỊ BẢO TRẦN	04/01/2004	Nữ	Đông phương học	D15	200
1511	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	02/07/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1512	TRẦN THỊ BẢO TRẦN	08/06/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1513	THÁI THỊ BẢO TRẦN	10/11/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	200
1514	ĐẶNG QUẾ TRẦN	06/12/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
1515	NGUYỄN HỒNG TRẦN	04/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1516	NGUYỄN THỊ THU TRANG	02/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1517	NGUYỄN MINH TRANG	30/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1518	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	17/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1519	ĐẶNG THU TRANG	02/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1520	TRẦN THỊ PHƯƠNG TRANG	09/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1521	HUYỀN THỊ THU TRANG	01/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D15	200
1522	NGUYỄN TRẦN ĐOAN TRANG	01/01/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
1523	MAI NGỌC ĐOAN TRANG	27/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1524	NGUYỄN HOÀNG THUY TRANG	01/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
1525	NGUYỄN THỊ THU TRANG	29/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
1526	NGUYỄN THU TRANG	31/08/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1527	TRỊNH THỊ PHƯƠNG TRANG	15/04/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1528	LÊ THỊ THUY TRANG	15/05/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1529	NGUYỄN PHẠM THUY TRANG	24/06/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1530	PHẠM THỊ TRANG	05/07/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1531	VŨ THỊ THU TRANG	17/11/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1532	ĐẬU THỊ PHƯƠNG TRANG	02/03/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
1533	MAI DƯƠNG THUY TRANG	25/09/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
1534	LÊ HUYỀN TRANG	27/05/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1535	NGUYỄN THỊ KIM TRANG	30/04/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1536	NGUYỄN TRẦN THUY TRANG	05/09/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1537	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	27/01/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1538	BÙI LÊ KIM TRANG	15/04/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
1539	NGUYỄN THỊ TRANG	28/10/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
1540	PHẠM THỊ THUY TRANG	28/06/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	200
1541	NGUYỄN THU TRANG	07/05/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	200
1542	NGUYỄN THẢO TRANG	27/05/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1543	TRẦN THỊ HOÀNG TRANG	25/10/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1544	TRẦN THỊ THU TRANG	03/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1545	NGUYỄN THỊ THIÊN TRANG	01/01/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1546	NGUYỄN THỊ THUY TRANG	07/10/1995	Nữ	Đông phương học	A07	200
1547	NGUYỄN PHẠM KIỀU TRANG	05/04/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1548	NGUYỄN NGỌC UYÊN TRANG	23/07/2003	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1549	VÕ PHẠM MINH TRÍ	20/02/2004	Nam	Đông phương học	A07	200
1550	TRẦN NGUYỄN MINH TRÍ	14/06/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
1551	LÊ MINH TRÍ	27/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1552	NGÔ TRẦN MINH TRÍ	13/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1553	BÙI MINH TRÍ	27/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1554	PHAN CAO TRÍ	07/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1555	TRẦN HOÀNG TRÍ	26/07/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
1556	TRẦN HOÀNG MINH TRÍ	24/02/2003	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1557	PHẠM NGUYỄN MINH TRIẾT	25/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1558	NGUYỄN VÕ MINH TRIẾT	20/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1559	NGUYỄN THỊ TRIỀU	19/08/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1560	TRƯƠNG HẢI TRIỀU	25/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1561	NGUYỄN THỊ TÚ TRINH	03/09/2003	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1562	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH	03/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1563	NGUYỄN THỊ TỎ TRINH	31/08/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1564	CAO THỊ TUYẾT TRINH	26/03/2004	Nữ	Kế toán	A00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1565	LÊ THỊ VIỆT TRINH	05/10/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1566	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG TRINH	21/07/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
1567	VÕ THỊ DIỄM TRINH	09/08/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
1568	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	03/01/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B04	200
1569	PHẠM ĐĂNG TÚ TRINH	22/09/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1570	HUỲNH THỊ DIỄM TRINH	19/11/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
1571	PHẠM YẾN TRINH	11/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1572	MAI PHƯƠNG TRINH	27/07/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1573	NGUYỄN ĐĂNG TRẦN	07/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A01	200
1574	LÊ MAI MINH TRỌNG	01/03/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1575	HUỲNH THỊ THANH TRÚC	06/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1576	LÊ THỊ THANH TRÚC	14/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1577	NGUYỄN NGỌC THIÊN TRÚC	15/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1578	PHẠM HOÀNG KIỀU TRÚC	22/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1579	NGUYỄN THANH TRÚC	27/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1580	LÂM THANH THANH TRÚC	18/11/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1581	NGUYỄN THỊ KIM TRÚC	19/02/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1582	NGUYỄN THANH TRÚC	01/07/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1583	HUỲNH THANH TRÚC	26/04/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
1584	DƯƠNG THANH TRÚC	01/09/2002	Nữ	Kế toán	A00	200
1585	ĐỖ QUANG TRUNG	31/05/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
1586	NGUYỄN BÁ TRUNG	10/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1587	PHẠM HOÀNG TRUNG	13/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1588	VÕ QUANG TRUNG	25/08/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A04	200
1589	NGUYỄN THÀNH TRUNG	21/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1590	TRẦN DUY TRƯỜNG	20/03/2004	Nam	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1591	PHAN MINH TRƯỜNG	12/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1592	LƯƠNG XUÂN TRƯỜNG	12/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1593	NGUYỄN TRỌNG TRƯỜNG	30/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1594	LÝ NGUYỄN MINH TRƯỜNG	15/08/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A00	200
1595	LÊ HOÀNG PHI TRƯỜNG	24/07/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1596	NGUYỄN TRẦN ANH TRUYỀN	21/08/2004	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C20	200
1597	VÕ TRẦN MINH TÚ	24/02/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
1598	TRẦN THỊ CẨM TÚ	15/04/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1599	TRẦN THÁI TÚ	21/01/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1600	PHẠM TRẦN ANH TÚ	30/01/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A01	200
1601	LÊ ANH TÚ	19/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1602	NGUYỄN TUẤN TÚ	02/12/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1603	PHẠM THANH TÚ	19/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1604	LÊ THANH ANH TÚ	18/09/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
1605	NGUYỄN THANH TÚ	21/08/2004	Nam	Điều dưỡng	B00	200
1606	MAI NGUYỄN THANH TÚ	05/06/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1607	LIÊU MỸ TÚ	21/02/2003	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D14	200
1608	VŨ ĐÌNH TÚ	09/03/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1609	TRẦN CÔNG TỰ	22/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1610	PHẠM DUY TỰ	09/02/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1611	NGUYỄN XUÂN MINH TUẤN	11/10/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1612	MAI ANH TUẤN	16/06/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1613	TRƯƠNG PHẠM ANH TUẤN	11/02/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1614	PHẠM TRƯỜNG QUỐC TUẤN	28/08/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
1615	BÙI MINH TUẤN	03/11/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
1616	NGUYỄN NGỌC PHÚC TUẤN	16/11/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A07	200
1617	NGUYỄN ANH TUẤN	07/08/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	A09	200
1618	QUANG ANH TUẤN	17/02/2004	Nam	Kế toán	A09	200
1619	HOÀNG NGỌC ANH TUẤN	29/02/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1620	LÊ ANH TUẤN	25/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1621	NGUYỄN CÔNG TUẤN	11/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1622	TỔNG NGỌC TUẤN	05/08/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1623	TRẦN MẠNH TUẤN	29/08/2004	Nam	Công nghệ chế tạo máy	A00	200
1624	LÊ ANH TUẤN	10/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1625	TRẦN QUỐC TUẤN	01/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1626	NGUYỄN SỸ TUẤN	08/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1627	NGUYỄN LƯƠNG ANH TUẤN	09/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A01	200
1628	PHẠM MINH TUẤN	05/12/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
1629	HỒ VIỆT TUẤN	21/08/2004	Nam	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B04	200
1630	NGUYỄN VIỆT TUẤN	19/02/2003	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1631	DƯƠNG VĂN TUẤN	26/04/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A04	200
1632	HÀ GIA TUỆ	01/09/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1633	ĐÀO THANH TÙNG	23/11/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1634	ĐỖ THANH TÙNG	10/08/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1635	ĐOÀN THANH TÙNG	12/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1636	LÊ THỊ DIỄM TƯỜNG	31/07/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	A06	200
1637	NGÔ ĐỖ CÁT TƯỜNG	01/11/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1638	BÙI XUÂN TUYỀN	04/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
1639	NGUYỄN GIANG THANH TUYỀN	27/06/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1640	NGUYỄN ĐĂNG THANH TUYỀN	13/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1641	HUỲNH THANH TUYỀN	08/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	D84	200
1642	DƯƠNG THỊ BÍCH TUYỀN	31/01/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
1643	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYỀN	24/09/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
1644	NGUYỄN MINH TUYỀN	19/12/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1645	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	21/10/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
1646	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	26/08/2003	Nữ	Đông phương học	A07	200
1647	PHẠM THỊ ÁNH TUYẾT	19/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1648	NGUYỄN LÊ NGỌC TUYẾT	15/08/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1649	BÙI THỊ ÁNH TUYẾT	04/02/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
1650	LÊ NỮ KIM UYÊN	12/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1651	VŨ TỎ UYÊN	24/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1652	ĐINH NGỌC PHƯƠNG UYÊN	03/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1653	NGUYỄN MỸ UYÊN	24/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1654	NGUYỄN NGỌC BẢO UYÊN	30/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1655	ĐÀM NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	12/09/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D14	200
1656	ĐỖ THỊ MỸ UYÊN	07/12/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
1657	NGUYỄN MỸ UYÊN	10/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1658	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	05/12/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1659	PHẠM ĐIỀN NHẢ UYÊN	21/08/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
1660	NGUYỄN HOÀNG KIỀU UYÊN	02/12/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1661	NGUYỄN THỊ MỸ UYÊN	16/05/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1662	ĐỖ HỒNG UYÊN	06/04/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A06	200
1663	HOÀNG VŨ TRÚC UYÊN	13/09/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1664	BÙI NGUYỄN HƯƠNG UYÊN	28/06/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
1665	TRẦN THỊ MINH UYÊN	14/10/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
1666	TRẦN THỊ MAI UYÊN	07/03/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1667	PHẠM BÍCH VÂN	26/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1668	PHẠM TƯỜNG VÂN	05/10/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1669	TRẦN THỊ THANH VÂN	04/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1670	VŨ THỊ THẢO VÂN	12/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1671	BÙI THỊ HỒNG VÂN	01/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1672	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	08/09/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1673	TRẦN DƯƠNG THANH VÂN	17/06/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
1674	LƯU THỊ CẨM VÂN	02/10/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
1675	NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN	05/09/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A10	200
1676	NGUYỄN THANH VÂN	16/07/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A07	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1677	NGÔ THỊ VÂN	04/12/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
1678	TRẦN THỊ KỶ VÂN	21/11/2003	Nữ	Kế toán	D84	200
1679	LÊ KHÁNH VÂN	22/08/2003	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D14	200
1680	TRẦN QUỐC VÂN	08/11/2004	Nam	Công nghệ thực phẩm	A06	200
1681	NGUYỄN NHƯ VANG	08/02/2004	Nữ	Kế toán	A00	200
1682	NGUYỄN NGỌC TUƠNG VI	06/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1683	NGUYỄN TRƯỞNG THỊ TUƠNG VI	02/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1684	HỒ THỊ TUƠNG VI	08/11/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1685	LƯƠNG THỊ THẢO VI	25/02/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
1686	PHẠM THỊ YẾN VI	13/04/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1687	NGUYỄN NGỌC LAN VI	28/08/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
1688	LÊ PHƯỢNG VĨ	14/09/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1689	NGUYỄN HOÀNG GIA VĨ	13/02/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1690	TRẦN VĨ	28/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A01	200
1691	PHẠM ANH VIỆT	18/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1692	NGUYỄN THÀNH VIỆT	03/06/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A04	200
1693	PHẠM MINH HOÀNG VIỆT	30/05/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1694	NGUYỄN QUỐC VIỆT	22/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1695	PHẠM THÀNH VINH	19/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1696	VÕ ANH VŨ	25/10/2004	Nam	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1697	PHẠM LÂM VŨ	27/04/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	A00	200
1698	LÊ ANH VŨ	20/02/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
1699	NGUYỄN PHI VŨ	08/06/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1700	TRẦN HOÀNG LONG VŨ	17/09/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1701	LÊ NGỌC VŨ	04/10/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1702	NGUYỄN MINH VŨ	20/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1703	LÊ NGUYỄN VŨ	18/05/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1704	NGUYỄN TUẤN VŨ	06/02/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A10	200
1705	ĐẶNG VĂN VŨ	30/03/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1706	VÕNG MINH VŨ	24/04/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A10	200
1707	TRẦN NGUYỄN VŨ	14/09/2004	Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A07	200
1708	NGÔ PHẠM QUANG VŨ	06/10/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A00	200
1709	ĐỖ TRƯỜNG VŨ	12/07/2001	Nam	Ngôn ngữ Anh	D84	200
1710	TRẦN QUANG TUẤN VŨ	09/07/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A10	200
1711	NGUYỄN HỮU MINH VƯƠNG	27/04/2003	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00	200
1712	PHAN XUÂN YẾN VY	23/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1713	HOÀNG NGỌC THÚY VY	19/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1714	VÕ THỊ YẾN VY	26/03/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200
1715	LƯƠNG NGỌC VỸ VY	12/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D15	200
1716	NGUYỄN THỊ TUƠNG VY	22/05/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	D15	200
1717	VĂN HOÀNG THẢO VY	24/11/2004	Nữ	Đông phương học	C00	200
1718	NGUYỄN HUỲNH TUƠNG VY	16/01/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1719	NGUYỄN PHẠM THẢO VY	02/12/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1720	NGUYỄN THỊ TUƠNG VY	30/11/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1721	ĐỖ PHẠM TUƠNG VY	23/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
1722	NGÔ THUY VY	22/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1723	BẠCH NGUYỄN HOÀNG VY	16/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1724	NGUYỄN LÊ ĐAN VY	28/02/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1725	NGUYỄN LÊ TUƠNG VY	03/12/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1726	NGUYỄN THỊ MINH VY	03/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1727	PHẠM NGUYỄN HÀ VY	29/09/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1728	BUI NGỌC TUƠNG VY	27/08/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1729	HOÀNG KHÁNH VY	22/03/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1730	LÂM THỊ TUƠNG VY	31/12/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1731	LÊ ĐẶNG YẾN VY	02/10/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1732	NGUYỄN THỊ THẢO VY	24/03/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển
1733	TRẦN THỊ TUỒNG VY	09/11/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A09	200
1734	DƯƠNG NGỌC VY	20/09/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
1735	NGUYỄN THỦY VY	29/08/2004	Nữ	Kế toán	A07	200
1736	TRƯỜNG NGỌC THẢO VY	23/09/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B04	200
1737	VŨ TRẦN THẢO VY	18/05/2004	Nữ	Điều dưỡng	A06	200
1738	NGUYỄN NGỌC THẢO VY	03/04/2004	Nữ	Điều dưỡng	B04	200
1739	PHẠM LÊ TUỒNG VY	10/02/2004	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	200
1740	NGUYỄN NGỌC XUÂN VY	09/04/2004	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1741	HỨA THỊ TUỒNG VY	09/04/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1742	TRẦN THỊ THẢO VY	28/04/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1743	ĐỖ DẠ THẢO VY	10/07/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C20	200
1744	MAI ĐÀO XUÂN VY	09/10/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	A09	200
1745	TRINH PHƯƠNG VY	16/08/2003	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	200
1746	VÕ LÊ TUỒNG VY	27/06/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1747	TRƯỜNG THỊ TRIỆU VY	21/04/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1748	VÕ NGỌC TUỒNG VY	08/10/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A07	200
1749	NGUYỄN THỊ CẨM VY	26/03/2003	Nữ	Điều dưỡng	B00	200
1750	NGUYỄN THỊ VY	20/12/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1751	NGUYỄN THẢO VY	19/09/2003	Nữ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C20	200
1752	TRƯƠNG BẢO TRƯỜNG VY	14/07/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1753	HOÀNG TRƯỜNG TUỒNG VY	09/02/2004	Nữ	Quản trị khách sạn	C00	200
1754	NGUYỄN HOÀNG VỸ	10/04/2004	Nam	Công nghệ thông tin	A01	200
1755	TRƯƠNG KHÁNH VỸ	09/10/2001	Nam	Quản trị kinh doanh	D84	200
1756	TRẦN THỊ NGỌC XUÂN	24/01/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1757	ĐINH THỊ THÁI XUÂN	06/01/2004	Nữ	Kế toán	A09	200
1758	NGÔ HÒA XUÂN	12/06/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1759	TRẦN THỊ NGỌC XUÂN	01/01/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	A00	200
1760	PHAN THỊ XUÂN	30/03/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1761	HUỶNH KIM XUÂN	02/01/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1762	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	25/09/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1763	CAO THỊ NHƯ Ý	22/05/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1764	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	07/11/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A09	200
1765	NGUYỄN HOÀNG NHƯ Ý	08/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1766	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	06/07/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A07	200
1767	HUỶNH NHƯ Ý	17/09/2004	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	200
1768	TẠ THỊ NHƯ Ý	24/10/2004	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	200
1769	NGUYỄN LÊ HÀ YẾN	05/09/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	D84	200
1770	LÊ VŨ GIA YẾN	10/10/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1771	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	05/04/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D01	200
1772	ĐỖ PHI YẾN	26/07/2004	Nữ	Ngôn ngữ Anh	D15	200
1773	TÔN THỊ NGỌC YẾN	14/08/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	200
1774	ĐOÀN THỊ YẾN	30/03/2004	Nữ	Đông phương học	A07	200
1775	NGUYỄN THỊ YẾN	25/08/2004	Nữ	Đông phương học	D01	200
1776	BÙI THỊ HAI YẾN	03/04/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1777	LƯƠNG THỊ HAI YẾN	23/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	A00	200
1778	LÊ HAI YẾN	25/08/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	A00	200
1779	VÕ LÊ HỒNG YẾN	25/12/2004	Nữ	Kế toán	D84	200
1780	VÕ THỊ BẢO YẾN	09/05/2004	Nữ	Điều dưỡng	B00	200
1781	VŨ THỊ HAI YẾN	17/06/2004	Nữ	Công nghệ thông tin	A04	200
1782	TRIỆU HOÀNG YẾN	13/02/2004	Nữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	C20	200